



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023



_____ Years
Phát triển bền vững - Đổi mới thích ứng - Hiệu quả vượt trội

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ



www.phongphucorp.com



028 6684 7979



48 Tăng Nhơn Phú, KP3, P. Tăng Nhơn Phú B,
TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam

MỤC LỤC

01

Thông tin chung 6

Thông tin khái quát
Lịch sử hình thành và phát triển
Các thành tích tiêu biểu
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Rủi ro trong quá trình hoạt động

02

Tình hình hoạt động trong năm 32

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03

Báo cáo và đánh giá của ban Tổng Giám Đốc 68

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính (hợp nhất)
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội



04

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Công ty 88

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05

Quản trị Công ty 96

Hoạt động của Hội đồng quản trị
Hoạt động của Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

06

Báo cáo tài chính 108

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

“

Kính thưa Quý cổ đông và người lao động Phong Phú!

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú chúng ta đã kết thúc năm 2023 vẫn với kết quả tốt trong bối cảnh toàn ngành Dệt May, đặc biệt ngành sợi gặp rất nhiều khó khăn với nhiều doanh nghiệp thua lỗ mà đến nay tình hình thị trường vẫn chưa được cải thiện.

Kết quả của Phong Phú là do sự nỗ lực không mệt mỏi của toàn thể CB-CNV Phong Phú. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin ghi nhận và biểu dương tinh thần, thái độ và phương pháp làm việc tận tụy, sáng tạo và rất trách nhiệm của tập thể cơ quan điều hành và người lao động với sự tham gia rất hiệu quả của Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên Phong Phú, sự hợp tác bền vững của các khách hàng, đối tác, các cấp chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Thủ Đức và các địa phương có cơ sở sản xuất, kinh doanh của Phong Phú.

Năm 2024 là một năm đặc biệt, vì bên cạnh việc tiếp tục phát huy và nỗ lực cố gắng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, chúng ta sẽ tổ chức kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Phong Phú, trước đây là Sicovina - Phong Phú. Hội đồng quản trị xác định đây là dịp để chúng ta củng cố niềm tự hào, tự tôn Phong Phú và cũng là dịp chúng ta cùng suy ngẫm tổng kết các bài học của quá khứ và đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ, cách làm mới của Phong Phú sau 60 năm, cho một tương lai tươi sáng, tốt đẹp hơn cho Phong Phú, các cổ đông và người lao động Phong Phú trong các thập niên tới.

Với niềm tự hào tự tin và tinh thần trách nhiệm cao của thế hệ hiện tại và sự ghi nhớ công ơn to lớn của các thế hệ Phong Phú trước đây, chúng ta sẽ tiếp tục đưa Phong Phú lên một tầm cao mới với chân giá trị tốt đẹp và bền vững hơn nữa.

Xin kính chúc các Quý cổ đông, người lao động Phong Phú luôn an vui, hạnh phúc và gặt hái nhiều thắng lợi mới./.

”

01

Thông tin chung

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Các thành tích tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro trong quá trình hoạt động





Thông tin khái quát



Tên Công ty: Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0301446006 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 14 tháng 03 năm 2024 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính: 48 Tăng Nhơn Phú, KP3, P. Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam

Điện thoại: 028 6684 7979

Email: info@phongphucorp.com

Website: www.phongphucorp.com

Ngành nghề: Dệt may & Trang phục, phụ kiện

MÃ CỔ PHIẾU

PPH

VỐN ĐIỀU LỆ

746.708.910.000 đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU

1.778.288.107.998 đồng



Lịch sử hình thành và phát triển

Ngày 14/10/1964 đặt viên đá đầu tiên xây dựng Khu Kỹ nghệ Sicovina – Phong Phú trực thuộc Công ty kỹ nghệ Bông vải Việt Nam

1964

1966

Nhà máy đầu tiên chính thức đi vào hoạt động với qui mô 3 xưởng sản xuất (sợi - dệt - nhuộm), tổng lao động 1.050 người. Sản phẩm chủ lực: sợi và vải (Satin, Batist, Crèstone, Khaki, vải xiêm, vải ú đen...).

Đổi tên thành Nhà Máy Dệt Phong Phú.

1975

1986

Sản phẩm trong giai đoạn này ngoài vải, sợi Phong Phú còn phát triển mặt hàng khăn bông, vải kate sọc, vải jeans.

1989

Liên doanh với Tập đoàn Coats của Vương Quốc Anh để sản xuất chỉ may. Đến nay Coats Phong Phú là một trong những đơn vị lớn mạnh nhất khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

Chuyển đổi cơ cấu tổ chức thành Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

2006

2007

Ngày 11/01/2007, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (Nay là Bộ Công thương) đã ban hành quyết định số 06/2007/QĐ-BCN thành lập Tổng Công ty Phong Phú.

Tổng công ty chính thức hoạt động theo mô hình Tổng công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng.

2009



Lịch sử hình thành và phát triển (tiếp theo)

Tổng công ty tái cấu trúc, hoàn thiện chuỗi cung ứng khép kín từ sợi – dệt – nhuộm – may, đón đầu các hiệp định thương mại tự do, gia tăng nội lực doanh nghiệp và tăng tốc đầu tư.

2014

2017

Mã chứng khoán **PPH** của Tổng Công ty CP Phong Phú chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM.

Lần thứ 8 liên tiếp, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tự hào đạt danh hiệu cao quý “Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2022”. Cũng trong năm 2022, Phong Phú là nhà cung cấp khăn bông cho sự kiện FIFA World Cup 2022

2022

2023

Năm 2023, Tổng Công ty được Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam trao bằng Khen “Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động”. Đây là một chương trình do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) triển khai từ năm 2014. Từ năm 2018 đến nay, Phong Phú liên tục được Công đoàn Dệt May Việt Nam tặng bằng khen “Doanh nghiệp tiêu biểu Vì Người lao động Ngành Dệt May Việt Nam.





Các thành tích tiêu biểu

Đơn vị Anh hùng Lao động

Huân chương Độc lập hạng ba, hạng nhì, hạng nhất

Huân chương Lao động hạng ba, hạng nhì, hạng nhất

Huân chương Chiến công hạng ba

Cờ thi đua xuất sắc của Thủ tướng Chính phủ

Hàng Việt Nam chất lượng cao

Doanh nghiệp Nhà nước tiêu biểu

Cúp vàng Vì sự phát triển của cộng đồng

Thương hiệu Việt yêu thích

Giải Sao vàng đất Việt

Nhà cung cấp xuất sắc của tập đoàn siêu thị Target lớn nhất Hoa Kỳ

Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín

Giải thưởng trách nhiệm xã hội

Top ten Ngôi sao kinh doanh Việt

Doanh nghiệp có thương hiệu sản phẩm được lựa chọn tham gia chương trình Thương hiệu Quốc gia

Top ten Thương hiệu Việt

8 kỳ liên tiếp đạt danh hiệu Thương hiệu Quốc Gia Việt Nam (2008-2022).





Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, quần áo, hàng may sẵn; Bao bì;
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may.
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện).
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp; Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ;
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác và chế biến lâm sản;
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh; Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà; Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí;
- Xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Bán lẻ hàng may mặc;
- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)

Địa bàn kinh doanh

Tổng Công ty CP Phong Phú có trụ sở chính đặt tại 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3 phường Tầng Nhon Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Tổng Công ty có 05 Chi nhánh hoạt động tại các tỉnh thành: Ninh Thuận, Nha Trang, Thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng, Đà Nẵng, Thủ đô Hà Nội.

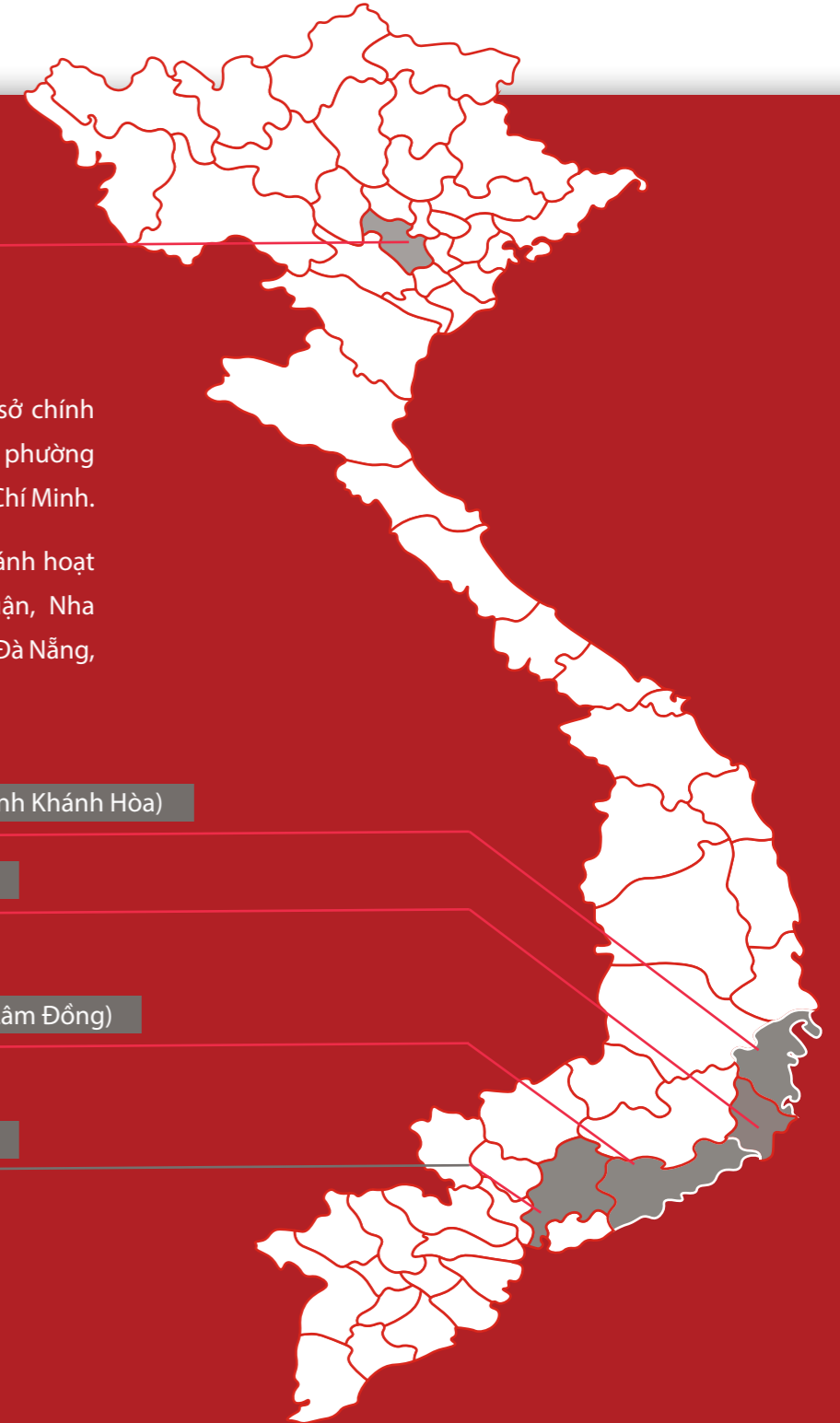
Thủ đô Hà Nội

TP. Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa)

Tỉnh Ninh Thuận

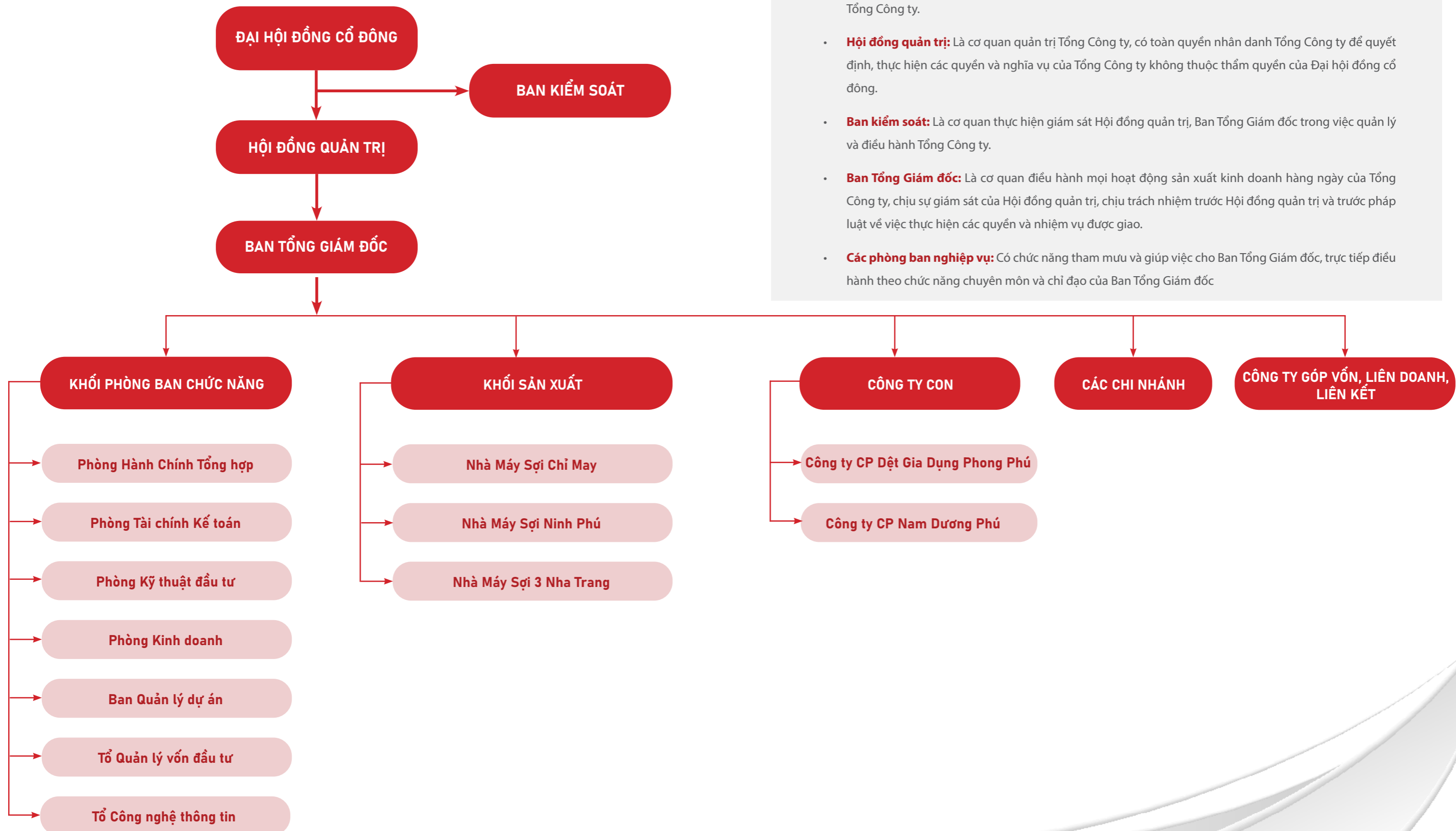
TP. Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng)

TP. Hồ Chí Minh





Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý





Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con



Công ty Cổ phần dệt Gia dụng Phong Phú

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may.

Vốn điều lệ thực góp: 160.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 90% VĐL thực góp



Công ty Cổ phần Nam Dương Phú

Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất kinh doanh sợi

Vốn điều lệ thực góp: 13.100.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 76,34% VĐL thực góp



Công ty liên doanh, liên kết



Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may.

Vốn điều lệ thực góp: 60.370.240.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 35,99% VĐL thực góp

Công ty Cổ phần dệt may Nha Trang

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may.

Vốn điều lệ thực góp: 235.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 23,89% VĐL thực góp

Công ty TNHH Coats Phong Phú

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, mua bán xơ, sợi

Vốn điều lệ thực góp: 225.389.712.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 35,65%

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức

Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Vốn điều lệ thực góp: 303.479.411.966 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 47,64% VĐL thực góp

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn

Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản.

Vốn điều lệ thực góp: 46.500.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 21,51% VĐL thực góp

Công ty Cổ phần may Đà Lạt

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt.

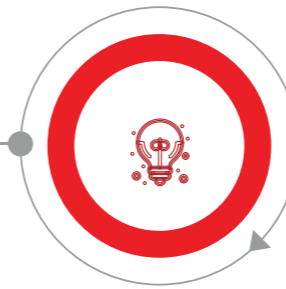
Vốn điều lệ thực góp: 10.577.500.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 40% VĐL thực góp





Định hướng phát triển



Tầm nhìn

“ Trở thành doanh nghiệp kinh tế vững mạnh hàng đầu Việt Nam và khu vực. ”



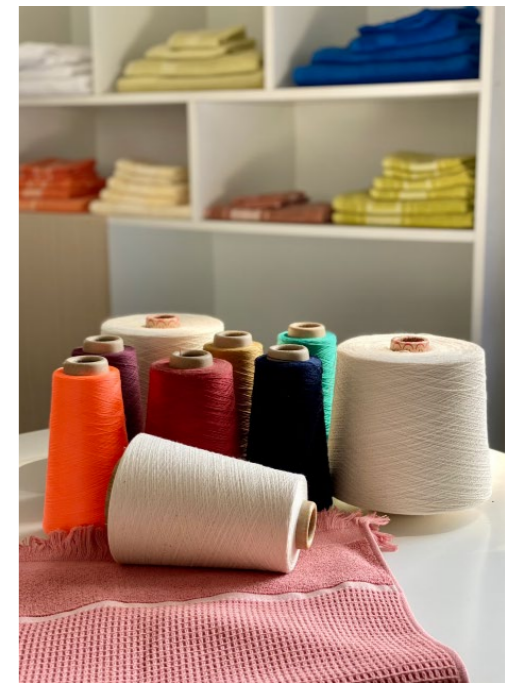
Sứ mệnh

“ Nâng cao tiềm lực kinh tế và chất lượng cuộc sống cộng đồng thông qua việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng vượt trội. ”



Giá trị cốt lõi

- Phát triển đi cùng trách nhiệm với cộng đồng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.
- Gia tăng giá trị và lợi ích của cổ đông, người lao động và đối tác, khách hàng.
- Đoàn kết, có trách nhiệm.
- Trình độ chuyên môn cao, trung thành, năng động, sáng tạo và kỹ năng tốt.





Định hướng phát triển (tiếp theo)

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục giữ vững và phát triển 02 chuỗi cung ứng Sợi Chỉ May và Sản phẩm Gia Dụng (khăn bông và các sản phẩm tương tự).

Với ngành sợi

- Tiếp tục phân bổ nguồn lực hợp lý cho ngành Sợi Chỉ May;
- Tích cực chủ động cùng đối tác Coats cải tiến và phát triển thêm mặt hàng mới; Đa dạng các chủng loại sợi mộc có giá trị cao cung cấp cho Coats;
- Giữ vững vị thế là đơn vị duy nhất tại Việt Nam cung ứng sản phẩm sợi chỉ may cho Coats Việt Nam. Phấn đấu mở rộng thị trường cung ứng sợi chỉ may cho Coats khu vực và toàn cầu;
- Nghiên cứu để đầu tư phát triển các mặt hàng mới, công nghệ mới đáp ứng nhu cầu sản xuất nội bộ và mở rộng thị trường tìm cơ hội gia nhập các chuỗi cung ứng mới.



Với ngành Gia Dụng

- Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ các giải pháp: Nghiên cứu, thiết kế, sản xuất, thị trường, tài chính để đầu tư mở rộng tăng năng lực sản xuất từ 130 cont/tháng lên 250 cont/tháng cho sản phẩm khăn bông.
- Nghiên cứu đầu tư phát triển các sản phẩm gia dụng ngoài khăn bông như chăn, draf, gối, rèm cửa.... để tăng doanh thu, lợi nhuận và uy tín thương hiệu Công ty.



Về nhân sự

- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân lao động đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới.

Phát huy tiềm lực sẵn có

- Khai thác tối đa và có hiệu quả các nguồn lực tài chính, mặt bằng, kho bãi để tăng lợi nhuận và cơ hội phát triển trong tương lai.



Các mục tiêu phát triển bền vững

Xu hướng bảo vệ môi trường hiện nay đang được cả thế giới quan tâm, trong đó có Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú. Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực dệt may, với bề dày lịch sử 60 năm hình thành và phát triển, Phong Phú đã không ngừng lớn mạnh, trở thành một trong những doanh nghiệp có sản phẩm uy tín và chất lượng hàng đầu trên thị trường. Phong Phú luôn hướng đến xu hướng phát triển sản xuất xanh, thân thiện với môi trường ở mức độ cao. Điều này được thể hiện qua việc Phong Phú đã đầu tư mạnh mẽ vào các công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường. Cụ thể, Phong Phú đã áp dụng các công nghệ mới như:

- Hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Hệ thống tái chế nước thải để phục vụ sản xuất.
- Hệ thống thu hồi nhiệt thải để sử dụng cho các mục đích khác.

Việc áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến đã giúp Phong Phú giảm thiểu đáng kể lượng chất thải ra môi trường, góp phần bảo vệ môi trường, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Ngoài những vấn đề kinh doanh, môi trường, thì Phong Phú luôn chú ý đến chế độ lương thưởng, thù lao và chính sách xã hội để cải thiện đời sống vật chất của người lao động. Phong Phú đã xây dựng một hệ thống lương thưởng, thù lao và chính sách xã hội tương xứng với năng lực và đóng góp của người lao động. Điều này đã giúp người lao động có được cuộc sống ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống. Ngoài ra Phong Phú còn đề cao tinh thần và tính đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên thông qua các hoạt động đoàn thể và hoạt động xã hội. Phong Phú đã tổ chức nhiều hoạt động đoàn thể và hoạt động xã hội nhằm gắn kết các thành viên trong công ty, tạo ra một môi trường làm việc đoàn kết, thân thiện.





Các rủi ro trong quá trình hoạt động

Rủi ro kinh tế

Tháng 10/2023, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 ở mức 3% và năm 2024 ở mức 2,9% (giảm 0,1 điểm phần trăm so với dự báo tháng 7/2023). WTO cũng nhận định rằng thương mại toàn cầu suy giảm trên diện rộng, phạm vi nhiều quốc gia và nhiều loại hàng hóa, điển hình như sắt, thép, hàng dệt may... nguyên nhân chủ yếu do tình hình xuất nhập khẩu tại các nước có nền kinh tế phát triển và đang phát triển sụt giảm. Cùng với tình trạng lạm phát cao kéo dài, kèm với tỉ giá USD tăng cao; Chính sách tiền tệ tiếp tục xu hướng thắt chặt ở hầu hết các quốc gia; Xu hướng chia rẽ trong thương mại giữa hai khối địa chính trị liên quan tới cuộc xung đột ở Ukraine và Nga gia tăng.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng khoảng 6,5% năm 2023 và sẽ đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn trong năm 2024. Cụ thể, GDP quý III/2023 có xu hướng cải thiện, tăng 5,33%, GDP 9 tháng đầu năm 2023 tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước. Cùng với đó, Việt Nam cũng kiểm soát lạm phát tốt, nằm trong kế hoạch điều hành Nghị quyết 01 của Chính phủ với 4,5%. Tuy nhiên, tình hình xuất nhập khẩu trong 10 tháng đầu năm 2023 sụt giảm so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu trong 10 tháng đầu năm 2023 đạt 557,95 tỉ USD, giảm 9,6% so với cùng kỳ năm 2022 (xuất khẩu giảm 7,1%, nhập khẩu giảm 12,3%). Mặc dù vậy, tình hình xuất khẩu đã có những sự cải thiện nhất định, tốc độ giảm kim ngạch xuất, nhập khẩu đã chậm dần lại trong những tháng gần đây.

Theo báo cáo từ Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS), Việt Nam đang nằm trong Top 3 quốc gia xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới. Trong đó, thị trường lớn nhất của ngành dệt may Việt Nam vẫn là thị trường Mỹ, trong 9 tháng sản phẩm may mặc xuất khẩu vào thị trường Mỹ đạt trên 11 tỷ USD, Nhật Bản khoảng 3 tỷ USD, Hàn Quốc là 2,4 tỷ USD, EU là gần 2,9 tỷ USD. Đây là 4 thị trường trọng điểm của ngành dệt may. Trong bối cảnh lạm phát tăng cao ở các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ, châu Âu khiến sức mua giảm cùng với chênh lệch tỉ giá làm cho kim ngạch xuất khẩu giảm so với năm 2022. Trước những điều kiện khó khăn về kinh tế, nhiều doanh nghiệp dệt may trong nước phải đối diện với sự sụt giảm của lợi nhuận trong các quý năm 2023. Dự báo trong năm 2024, ngành dệt may sẽ phải tiếp tục đối mặt những vấn đề như: Đơn hàng xuất khẩu còn giảm; chuỗi cung ứng rủi ro, chi phí đầu vào còn cao; rủi ro nghĩa vụ trả nợ còn cao; rủi ro lãi suất, tỷ giá giảm; ... Trước những khó khăn và thách thức trên ngành dệt may nói chung và Tổng công ty nói riêng cần chuẩn bị những kế hoạch để ổn định trong giai đoạn sắp tới.

Rủi ro pháp luật

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú hoạt động theo hình thức công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam, đồng thời Tổng Công ty cũng là công ty đại chúng quy mô lớn đang đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom). Chính vì vậy, ngoài Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật kế toán, Luật thuế, Bộ Luật Lao động,... thì Công ty cũng cần tuân thủ theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản liên quan.

Trong thời gian qua, luật pháp và các quy định liên quan đã không ngừng được cập nhật, chỉnh sửa và bổ sung để đáp ứng với các nhu cầu phát triển qua từng thời kỳ. Một điểm nổi bật là việc làm mới các quy chế công bố thông tin được tiến hành một cách cụ thể và nghiêm ngặt hơn. Dự kiến, năm 2024 sẽ chứng kiến nhiều biến đổi lớn trên thị trường chứng khoán, với sự quyết tâm cao từ các cơ quan quản lý nhằm nâng cao vị thế của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Để đối phó với rủi ro pháp lý một cách hiệu quả, Công ty luôn dành sự chú ý đặc biệt đến việc theo dõi chặt chẽ mọi cập nhật trong pháp luật, bảo đảm hoạt động kinh doanh luôn tuân thủ các quy định mới. Công ty thường xuyên kiểm tra lại các quy trình, chính sách và hành động nội bộ để kịp thời nhận diện và điều chỉnh những điểm không còn phù hợp, nhằm giảm bớt rủi ro pháp lý và tăng hiệu quả vận hành. Hành động này không chỉ giúp Công ty linh hoạt trước các thay đổi về mặt pháp lý mà còn nâng cao uy tín và tạo dựng sự tin tưởng từ các đối tác và bên liên quan.



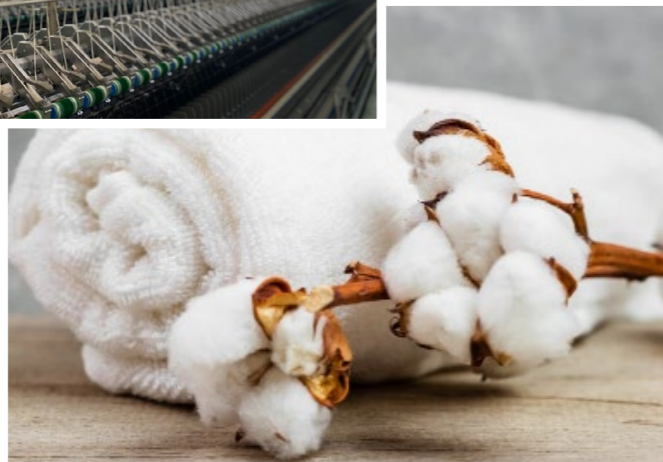


Các rủi ro trong quá trình hoạt động (tiếp theo)

Rủi ro nguyên vật liệu

Theo thống kê từ VITAS, trong năm 2023 dù đã cố gắng giảm sự phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu, gia tăng hàng hóa nội địa nhưng ngành dệt may vẫn có hơn 50% nguồn cung nguyên liệu phải nhập khẩu từ nước ngoài. Riêng tổng công ty đã phải nhập khẩu 95% nguyên liệu bông để sản xuất, việc chưa tự chủ được nguồn cung khiến doanh nghiệp chưa thể khai thác triệt để lợi thế của ngành.

Với nguyên liệu đầu vào chính là bông cotton và xơ polyester, biến động giá của nguồn nguyên liệu này có thể ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu và biên lợi nhuận của doanh nghiệp. Hiện giá bông đang chịu 2 lực tác động từ phía cung và cầu. Về cung, giá được dự báo giảm trong thời gian tới. Về cầu, thị trường dệt may thế giới vẫn đang rất khó khăn, dự báo tổng cầu hàng dệt may năm nay có khả năng giảm 8-10%, do vậy nhu cầu tiêu dùng bông không nhiều khả năng có thể hồi phục. Do đó, Tổng công ty cần đưa ra nhiều chiến lược, kế hoạch phù hợp với diễn biến giá nguyên vật liệu đầu vào để chủ động tìm kiếm nguồn cung ứng.



Rủi ro bán hàng

Trong tình hình lạm phát gia tăng kéo dài ở Mỹ, Anh, EU, Nhật Bản cùng với nền kinh tế toàn cầu suy giảm làm giảm sức mua hàng hoá, nhu cầu của người dân đối với nhiều mặt hàng, trong đó ngành hàng dệt may ít nhiều bị ảnh hưởng dẫn đến thiếu đơn hàng, hàng tồn kho tồn đọng. Thực tế, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý III/2023 so với 2022 cùng kỳ giảm 9% do số lượng đặt hàng giảm từ các thị trường lớn như Mỹ, Châu Âu vì hai khu vực này đang thắt chặt hệ thống chính sách tiền tệ do lạm phát kéo dài. Về triển vọng phục hồi, một số tổ chức nghiên cứu cho biết thị trường những tháng cuối năm bắt đầu xuất hiện một số tín hiệu phục hồi dù vẫn phải đối mặt với thiếu đơn hàng và chi phí đầu vào tăng. Ngành dệt may nói chung và Tổng công ty nói riêng cần đặc biệt điều chỉnh các phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với tình hình kinh tế khó khăn chung của thế giới.



Rủi ro khác

Thiên tai, đại dịch hay các yếu tố về thiên nhiên luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro đến mọi ngành nghề kinh doanh, trực tiếp làm giảm khả năng sản xuất và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Đặc biệt, Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực dệt may, ngành có nhiều vật dụng dễ cháy càng phải tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động phòng cháy chữa cháy. Ngoài ra, cần tập huấn cán bộ công – nhân viên trong doanh nghiệp các biện pháp phòng cháy nổ, tránh để tổn thất về người và của. Thực hiện mua bảo hiểm thiên tai cũng là điều Tổng công ty cần lưu ý khi hoạt động để phòng ngừa rủi ro và phục hồi sau thiệt hại.

02

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Thế giới



Năm 2023 nền kinh tế toàn cầu chịu tác động kéo dài của các cú sốc tiêu cực chống chéo, như: đại dịch Covid-19, xung đột giữa Nga – Ukraine kéo dài và chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển làm cho tăng trưởng toàn cầu giảm.

- Theo IMF, tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2023 đạt khoảng 3% so với mức tăng trưởng 3,3 - 3,5% của năm 2022.
- Tổng cầu Dệt May năm 2023 giảm 11% so với năm 2022. Sức mua giảm, đặc biệt đối với hàng may mặc do ảnh hưởng bởi lạm phát, đơn hàng nhỏ lẻ, mức độ phức tạp cao, giao hàng nhanh, cạnh tranh khốc liệt về đơn giá.
- Lãi suất cơ bản vẫn duy trì ở mức cao từ 5,25% -5,5% trong nhiều tháng liên tiếp.

Việt Nam



Năm 2023, kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế thế giới, đặc biệt trong giai đoạn nửa đầu năm. Tuy vậy, xu hướng tích cực hơn trong những tháng cuối năm đã giúp Việt Nam đạt được kết quả tăng trưởng kinh tế.

- Nền kinh tế đang trên đà phục hồi, năng động và có độ mở cao được hỗ trợ bởi hoạt động xuất khẩu, chính sách tài khóa, tiền tệ linh hoạt, thúc đẩy đầu tư công.
- Tốc độ tăng trưởng GDP cả năm tăng 5,05%, mặc dù thấp hơn so với mục tiêu 6,5% nhưng Việt Nam là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Lạm phát ổn định ở mức 3,25 % (thấp hơn so với dự kiến khoảng 4,5%).
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm đạt 683 tỷ USD giảm 6,9% so với năm 2022; Trong đó kim ngạch xuất khẩu dệt may năm 2023 đạt 39,6 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu sang hầu hết các thị trường chủ lực đều giảm (Mỹ giảm 19%, EU giảm 14%...)
- Doanh nghiệp dệt may Việt Nam bất lợi về tỷ giá ngoại tệ, chi phí lao động cao hơn nhiều so với các quốc gia cạnh tranh như Ấn Độ, Bangladesh, Campuchia...

Tại Phong Phú



Mặc dù nền kinh tế bị ảnh hưởng khá nặng nề bởi các yếu tố khách quan trong nước và thế giới, năm 2023 Tổng Công ty vẫn giữ ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh với doanh thu chính từ sản xuất kinh doanh sợi chỉ may, khăn bông gia dụng và các hoạt động đầu tư tài chính. Các ưu thế vẫn được phát huy:

- Phong Phú là nhà sản xuất duy nhất tại Việt Nam cung cấp các loại sợi chỉ may cho hệ thống chỉ may Coats toàn cầu;
- Phong Phú là nhà cung cấp các sản phẩm khăn bông gia dụng cho người dùng trong nước thông qua các hệ thống bán lẻ uy tín như Co.opmart, Go, Win+, Satra, Mega..., các kênh online và xuất khẩu cho các thị trường lớn uy tín như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu,...
- Phong Phú có đội ngũ CBCNV đã gắn bó với Phong Phú ổn định, lâu dài, giàu kinh nghiệm và yêu nghề.
- Các cổ đông, nhà đầu tư luôn chia sẻ tin tưởng, đồng lòng, thống nhất cao với chiến lược phát triển lâu dài của Tổng Công ty.





Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (tiếp theo)

320 Tỷ đồng
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(Hợp nhất)

2.113 Tỷ đồng
TỔNG DOANH THU
(Hợp nhất)

3.539 Tỷ đồng
TỔNG TÀI SẢN
(Hợp nhất)



Trước những khó khăn “bất định” của thị trường, Tổng Công ty CP Phong Phú đã có nhiều giải pháp đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ, tự động hóa các dây chuyền sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ giao hàng nhanh, chất lượng sản phẩm cao.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH năm 2022	KH năm 2023	TH năm 2023	%TH năm 2023/ KH năm 2023	%TH năm 2023/ năm 2022
Doanh thu	2.228,24	2.250,00	2.113,06	93,91%	94,83%
Chi phí	1.748,63	1.850,00	1.793,32	96,94%	102,56%
Lợi nhuận trước thuế	479,61	400,00	319,73	79,93%	66,67%
Lợi nhuận sau thuế	476,95	397,00	316,74	79,78%	66,41%

Cơ cấu doanh thu (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	TH năm 2022	TH năm 2023	TH năm 2023/ năm 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.745,52	1.754,52	100,52%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2,11	5,14	243,54%
3	Lãi/ lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	406,49	320,27	78,79%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	76,17	43,28	56,82%
5	Doanh thu khác	2,17	0,12	5,77%
Tổng cộng		2.228,24	2.113,06	94,83%



Tổ chức và nhân sự

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Trần Quang Nghị	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Dương Khuê	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
3	Phạm Phú Chung	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
4	Phạm Minh Hương	Thành viên HĐQT
5	Bùi Thị Thu	Thành viên HĐQT

Trong năm 2023, Tổng Công ty không có thay đổi trong Hội đồng quản trị.



Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị



Ông Trần Quang Nghị

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Thời gian công tác: Ông Trần Quang Nghị bắt đầu làm việc tại Phong Phú từ năm 1980. Ông đã có rất nhiều đóng góp quan trọng vào những thành công của Tổng Công ty CP Phong Phú. Ông tham gia HĐQT và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Phong Phú liên tục từ năm 2009 đến nay.

Chức vụ đang nắm giữ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Coats Phong Phú và Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú.



Ông Dương Khuê

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Dệt, Cử nhân quản lý xí nghiệp.

Thời gian công tác: Ông Dương Khuê bắt đầu làm việc tại Phong Phú từ năm 1990. Ông tham gia HĐQT Phong Phú từ tháng 8/2020 và được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú từ tháng 10/2020 đến nay.

Chức vụ đang nắm giữ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nam Dương Phú, thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú.



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị (tiếp theo)



Ông Phạm Phú Chung

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư cơ khí chế tạo.

Thời gian công tác: Ông Phạm Phú Chung bắt đầu làm việc tại Phong Phú từ năm 1992. Ông tham gia HĐQT Phong Phú từ tháng 6/2022 và được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú từ ngày 7/10/2022 đến nay.

Chức vụ đang nắm giữ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dệt Gia dụng Phong Phú, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dệt Đông Nam, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú.



Bà Bùi Thị Thu

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị điều hành.

Thời gian công tác: Bà Bùi Thị Thu có thời gian làm việc tại Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 1979. Bà Bùi Thị Thu tham gia HĐQT Phong Phú từ ngày 19/04/2019 đến nay.

Chức vụ đang nắm giữ hiện tại: thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú.



Bà Phạm Minh Hương

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Tài chính.

Thời gian công tác: Bà Phạm Minh Hương có thời gian gắn bó với Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2001. Bà tham gia HĐQT Phong Phú từ năm 2013 đến nay.

Chức vụ đang nắm giữ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú, Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú.





Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trần Liên Hữu	Thành viên Ban kiểm soát
3	Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên Ban kiểm soát

(Trong năm 2023, Tổng Công ty không có thay đổi trong Ban kiểm soát)

Lý lịch thành viên Ban kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Trưởng ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh thực nghiệm (EMBA), cử nhân tài chính ngân hàng, Chứng chỉ quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ.

Thời gian công tác: Bà Lệ đã gắn bó với Phong Phú từ năm 1997, tham gia Ban Kiểm soát và được tín nhiệm bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2019.

Chức vụ đang nắm giữ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty CP Phong Phú.



Bà Vũ Thị Thùy Dương

Thành viên ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Thời gian công tác: Bà Vũ Thị Thùy Dương tham gia Ban Kiểm soát Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2011 đến nay.

Chức vụ đang nắm giữ hiện tại: Phó Chánh VP HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty CP Phong Phú.



Bà Trần Liên Hữu

Thành viên ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Tài chính kế toán các ngành sản xuất; Cử nhân kinh tế - Quản trị Kinh doanh; Chứng chỉ Giám đốc Điều hành

Thời gian công tác: Bà Trần Liên Hữu tham gia Ban kiểm soát của Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2015 đến nay.

Chức vụ đang nắm giữ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty CP Phong Phú.



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Danh sách Ban điều hành



STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ
1	Dương Khuê	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
2	Phạm Phú Chung	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Thị Hoàng Trang	Phó Tổng Giám đốc
4	Lý Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
5	Trương Thị Ngọc Phượng	Giám đốc điều hành
6	Nguyễn Văn Nhiệm	Giám đốc điều hành
7	Đoàn Kiên	Giám đốc điều hành
8	Lê Thị Tú Anh	Kế toán trưởng

Thay đổi trong Ban điều hành



Ngày 14/04/2023, bà Lê Thị Tú Anh được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng.



Lý lịch thành viên Ban điều hành

Ông Dương Khuê

Vui lòng xem ở Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Phạm Phú Chung

Vui lòng xem ở Lý lịch Hội đồng quản trị



Bà Lê Thị Hoàng Trang

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, chứng chỉ Giám đốc nhân sự, Chứng chỉ Giám đốc điều hành

Thời gian công tác: Bà Lê Thị Hoàng Trang có thời gian công tác tại Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 1995 đến nay. Bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú ngày 15/07/2022.

Chức vụ đang nắm giữ hiện tại: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú



Ông Lý Anh Tài

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ Sư Cơ Khí Chế tạo.

Thời gian công tác: Ông Lý Anh Tài có thời gian công tác tại Phong Phú từ năm 1996 đến nay. Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Phong Phú ngày 07/10/2022.

Chức vụ đang nắm giữ hiện tại: Tổng Giám đốc Công ty CP Nam Dương Phú, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú.



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch thành viên Ban điều hành (tiếp theo)



Bà Trương Thị Ngọc Phượng

Giám đốc điều hành

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp.

Thời gian công tác: Bà Trương Thị Ngọc Phượng có thời gian công tác tại Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 1996 đến nay. Bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú ngày 15/07/2022.

Chức vụ đang nắm giữ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nam Dương Phú, thành viên HĐQT Công ty CP Quốc tế Phong Phú, Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú và tham gia Ban Kiểm soát tại một số Công ty liên kết của Phong Phú.



Ông Đoàn Kiên

Giám đốc điều hành

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành Công nghệ Dệt - May, Kỹ sư cơ khí Đại học Bách khoa Hà Nội.

Thời gian công tác: Ông Đoàn Kiên có thời gian gần 20 năm công tác tại Phong Phú và các đơn vị trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành Phong Phú từ tháng 4/2021 đến nay.

Chức vụ đang nắm giữ hiện tại: Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt Đông Nam, Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú.



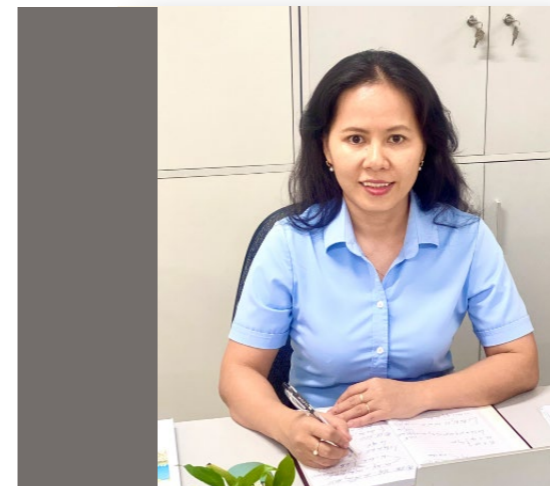
Ông Nguyễn Văn Nhiệm

Giám đốc điều hành

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Thời gian công tác: Ông Nguyễn Văn Nhiệm có thời gian công tác tại Phong Phú từ tháng 10/1989 đến nay. Ông được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Điều Hành Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2015.

Chức vụ đang nắm giữ hiện tại: Phó chủ tịch HĐQT công ty CP Dệt Gia Dụng Phong Phú, Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú.



Bà Lê Thị Tú Anh

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế-TC; Chứng chỉ Kế toán trưởng; Chứng chỉ hành nghề kế toán (APC).

Thời gian công tác: Bà Lê Thị Tú Anh có thời gian công tác tại Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2009 đến nay.

Chức vụ đang nắm giữ hiện tại: Kế toán Trưởng Tổng Công ty CP Phong Phú, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Dệt Đông Nam.



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Chính sách đối với người lao động



Đào tạo

Tổng Công ty luôn chú ý đến chất lượng và tay nghề của người lao động. Thông qua các lớp đào tạo, Tổng Công ty tổ chức bồi dưỡng cho người lao động nâng cao tay nghề, hướng dẫn sử dụng vận hành các loại máy móc thiết bị công nghệ mới để phục vụ cho hoạt động sản xuất của Tổng Công ty.



Tuyển dụng

Tổng Công ty tuyển dụng theo nguyên tắc minh bạch – công bằng, nhằm tìm kiếm được những ứng viên có năng lực, trình độ phù hợp với nhu cầu của từng vị trí việc làm. Thông qua quá trình tuyển dụng, Tổng Công ty mong muốn tìm kiếm được những ứng viên có năng lực, trình độ, phù hợp với văn hóa và định hướng phát triển của Tổng Công ty, góp phần xây dựng Tổng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh.



Lương thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Người lao động tại Tổng Công ty được ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của cả hai bên. Ngoài nhận lương theo định kỳ hàng tháng, người lao động tại Tổng Công ty còn được hưởng các chế độ thưởng định kỳ và đột xuất. Tổng Công ty thường xuyên tổ chức thăm khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ lao động và khám sức khỏe cho người lao động làm công việc nặng nhọc. Thông qua việc thực hiện các chế độ đãi ngộ, phúc lợi, Tổng Công ty mong muốn tạo môi trường làm việc tốt đẹp, thu hút và giữ chân người lao động có năng lực, trình độ, góp phần vào sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.



Môi trường làm việc

Tổng Công ty luôn sắp xếp thời gian làm việc đúng quy định và đảm bảo kịp thời, đầy đủ các quyền lợi, lương thưởng và phúc lợi cho người lao động. Ngoài ra, Tổng Công ty còn tổ chức bữa ăn phục vụ các bữa ăn giữa ca, đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện và chuyên nghiệp. Tổng Công ty cũng chú ý tổ chức các hoạt động giải trí và đoàn thể nhằm giải tỏa căng thẳng, tăng tính đoàn kết giữa những người lao động và Tổng Công ty.





Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tập trung đầu tư chiều sâu để nâng cao năng lực sản xuất tăng khả năng cạnh tranh. Trong năm 2023, Tổng Công ty đã hoàn thành công tác đầu tư và đưa vào hoạt động dự án “Đầu tư thay thế 16 máy đánh ống” cho nhà máy Sợi Chỉ May với tổng giá trị trên 35 tỷ đồng. Đầu tư thay thế thiết bị tăng năng lực sản xuất khăn bông với tổng giá trị trên 85 tỷ đồng.

Tình hình tài chính tại Công ty con, Công ty liên kết

(Xem trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán)





Tình hình tài chính (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% năm 2023/ năm 2022
Tổng giá trị tài sản	3.418,58	3.538,78	3,52%
Doanh thu thuần	1.743,41	1.749,38	0,34%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	479,25	324,68	-32,25%
Lợi nhuận khác	0,36	-4,94	-1488,95%
Lợi nhuận trước thuế	479,61	319,73	-33,33%
Lợi nhuận sau thuế	476,95	316,74	-33,59%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30,00%	(*)	-

(*) Sẽ được trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.



Chỉ tiêu tài chính (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,51	1,42
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,88	0,91
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	47,82%	49,75%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	91,65%	99,00%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,26	3,42
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,50	0,50
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	27,36%	18,11%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	27,69%	17,78%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	13,63%	9,11%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	27,49%	18,56%



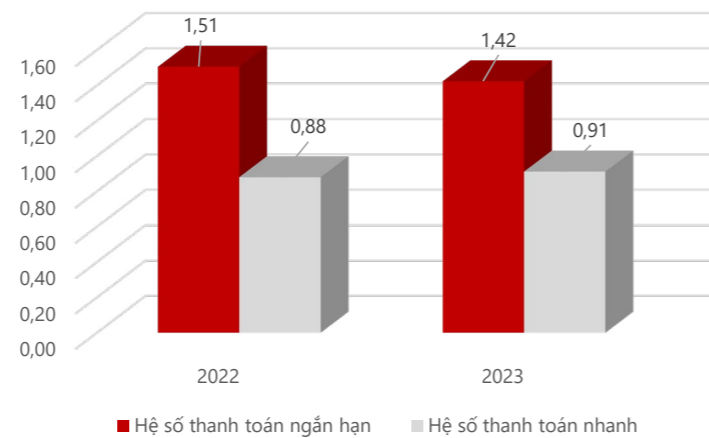
Tình hình tài chính (Tiếp theo)

Chỉ tiêu tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

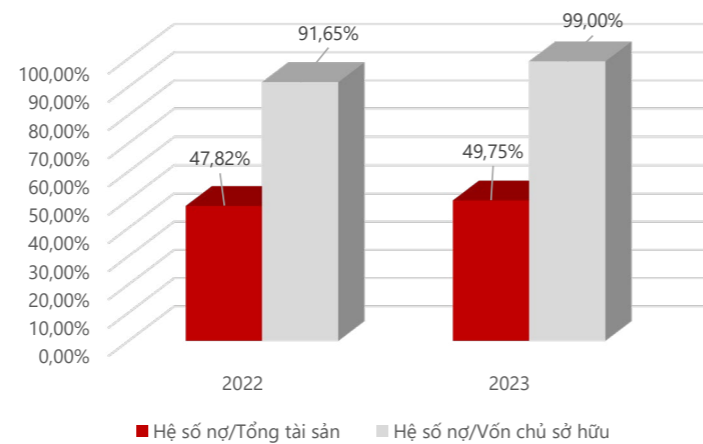
Trong năm 2023, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,42 lần, giảm nhẹ so với hệ số 1,51 năm 2022, nguyên nhân chủ yếu do nợ ngắn hạn của Tổng Công ty

tăng từ các khoản phải trả người bán và vay ngân hàng ngắn hạn bổ sung vốn lưu động. Bên cạnh đó, khả năng thanh toán của Tổng Công ty được cải thiện khi hệ số thanh toán nhanh năm 2023 đạt 0,91 lần, tăng so với mức 0,88 lần cùng kỳ năm trước.



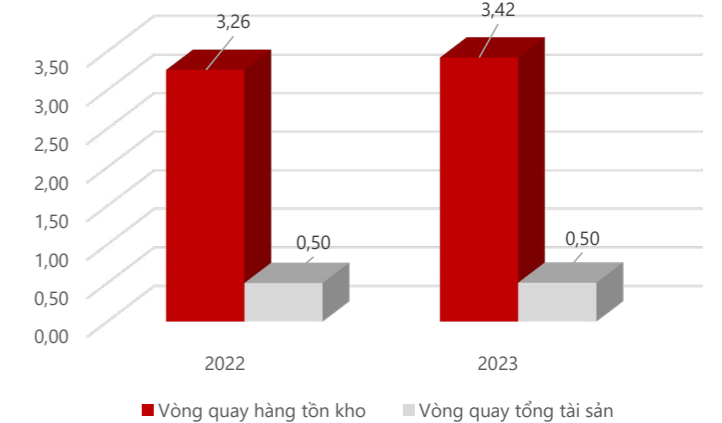
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Tổng công ty năm 2023 có xu hướng tăng, chủ yếu được thúc đẩy bởi sự tăng của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn. Điều này được phản ánh qua việc Hệ số nợ/Tổng tài sản tăng từ 47,82% trong năm 2022 lên 49,75% trong năm 2023 và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu cũng tăng từ 91,65% lên 99,00% trong cùng kỳ. Mặc dù cơ cấu vốn của Tổng công ty đã tăng trong năm 2023, nhưng Ban lãnh đạo luôn đảm bảo nguyên tắc duy trì các khoản phải trả trong một cơ cấu vốn thích hợp để bảo đảm sự an toàn về vốn.

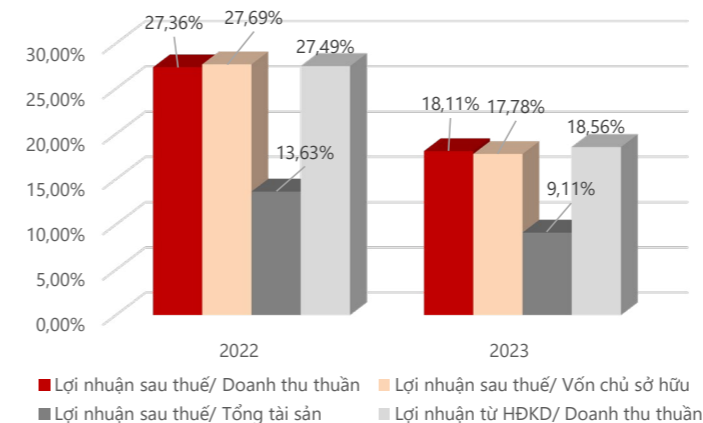


Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vào ngày 31/12/2023, vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ, từ 3,26 vòng lên 3,42 vòng. Mặt khác, trong năm 2023, vòng quay tổng tài sản của Công ty không có biến động, đạt mức 0,50 vòng. Trong năm 2023, ngành dệt may đối mặt với nhiều thách thức và biến động, từ sự cạnh tranh gay gắt đến những thay đổi nhanh chóng trong nhu cầu của thị trường, nhưng Tổng công ty vẫn đạt sự tăng trưởng trong doanh thu thuần và kiểm soát tốt vòng quay vốn lưu động. Điều này cho thấy sức mạnh cốt lõi và khả năng điều chỉnh linh hoạt của Phong Phú trước các thay đổi của thị trường



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Trong năm 2023, tình hình ngành dệt may gặp nhiều khó khăn, nên lợi nhuận sau thuế giảm so với cùng kỳ nên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời giảm. Tuy vậy, với doanh thu thuần vẫn đạt mức tăng trưởng vào năm 2023, thể hiện việc kinh doanh của Tổng Công ty vẫn có những lợi thế nhất định cùng với nguồn nội lực mạnh mẽ. Trong giai đoạn này, Tổng công ty sẽ chú trọng nhiều hơn trong việc cân đối giá vốn hàng bán cũng như các chi phí khác để tối đa hóa lợi nhuận.



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn của chủ sở hữu

Thông tin về cổ phiếu

Mã chứng khoán **PPH** của Tổng Công ty CP Phong Phú chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM vào năm 2017.



Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 74.670.891

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 74.670.891

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/ cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	37.408.796	374.087.960.000	50,1%
II	Cổ đông lớn (Từ 5% trở lên)	13.790.597	137.905.970.000	18,47%
1	Trong nước	13.790.597	137.905.970.000	18,47%
2	Nước ngoài	-	-	-
III	Cổ đông khác	23.471.498	234.714.980.000	31,43%
1	Trong nước	23.471.498	234.714.980.000	31,43%
2	Nước ngoài	-	-	-
IV	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng (I + II + III + IV)		74.670.891	746.708.910.000	100,00%

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Trong năm 2023 vừa qua, Tổng Công ty không phát sinh hoạt động tăng vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ của Tổng Công ty hiện ở mức 746.708.910.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh trong năm 2023

Các chứng khoán khác

Không phát sinh trong năm 2023

Danh sách cổ đông lớn

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	37.408.796	50,10%
2	Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Bất động sản Dương Trần	7.334.526	9,80%
3	Công ty CP Phát triển đầu tư An Tâm	6.456.071	8,60%





Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tác động lên môi trường

Dệt may là ngành công nghiệp sử dụng nhiều nguồn lực, bao gồm sức lao động, năng lượng và nguyên vật liệu đầu vào. Trong năm 2023, Tổng Công ty đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả và bền vững. Về sử dụng nguyên vật liệu, Tổng Công ty đã ưu tiên sử dụng các nguồn nguyên liệu đến từ tự nhiên, thân thiện với môi trường. Trong đó, bông cotton và xơ Polyester là hai nguyên liệu chính được sử dụng. Các sản phẩm dệt may được sản xuất từ các nguyên liệu này không chỉ đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng mà còn thân thiện với môi trường, dễ dàng phân hủy trong tự nhiên. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng đã ký kết thỏa thuận hợp tác về việc phát triển điện mặt trời áp mái trên các nhà máy tại Thành phố Hồ Chí Minh và Ninh Thuận. Đây là một bước đi quan trọng trong việc phát triển năng lượng tái tạo, góp phần giảm thiểu phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường. Những nỗ lực của Tổng Công ty trong việc sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả và bền vững đã góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường và bảo vệ môi trường. Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, Tổng Công ty cần tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới, tiên tiến trong sản xuất, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, tiết kiệm nguyên vật liệu và giảm thiểu tác động đến môi trường.



Hướng đến mô hình sản xuất xanh, bảo vệ môi trường, Tổng Công ty CP Phong Phú đã phối hợp cùng với khách hàng Coats nghiên cứu phát triển, chuyển đổi sản phẩm từ nguồn nguyên liệu truyền thống sang nguồn nguyên liệu tái sinh; lắp đặt hệ thống Điện năng lượng mặt trời mái nhà với công suất 1.200 Mwp tại Ninh Thuận, 2.884Mwp tại Tp.Thủ Đức; đầu tư dây chuyền recycle 100 tấn/tháng; phấn đấu tăng tỷ lệ tuần hoàn nước thải từ 15% lên 30% vào năm 2025.





Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)



Tiêu thụ nước

Việc sử dụng một lượng lớn nước trong sản xuất sợi, chỉ may và khăn bông là một đặc thù của ngành dệt may. Đối với Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, đã tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh. Chủ động kiểm tra hệ thống nước thường xuyên nhằm khắc phục tình trạng rò rỉ nước, qua đó hạn chế được nguồn nước thất thoát. Tổng Công ty cũng đã lắp đặt các thiết bị vòi xịt thông minh nhằm có thể kiểm soát lượng nước được sử dụng.

Giải pháp tiết giảm chi phí xử lý nước thải

Vận hành hiệu quả:

- Lắp đặt các bộ lọc rác tinh để giảm bùn cát.
- Chuyển sang hoạt động theo chu kỳ để giảm chi phí điện năng trong những giờ lưu lượng nước thải giảm.

Cải tiến công nghệ

- Tự động hóa hệ thống thổi khí, điều chỉnh lượng oxy cần thiết, tăng hiệu quả xử lý.
- Lắp đặt hệ thống quan trắc online để theo dõi chất lượng nước thải, giảm hóa chất xử lý cần dùng.



Tiêu thụ năng lượng

Ngành dệt may là ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng, đặc biệt là năng lượng điện. Theo ước tính, trung bình mỗi năm ngành công nghiệp dệt may Việt Nam tiêu thụ khoảng 391 tỷ kWh điện, chiếm khoảng 10% tổng lượng điện tiêu thụ toàn ngành công nghiệp. Để khắc phục tình trạng hao phí điện năng, Tổng Công ty CP Phong Phú và Công ty TNHH Coro Renewables Việt Nam (Coro Renewables Việt Nam) đã ký kết thỏa thuận hợp tác về việc phát triển điện mặt trời áp mái trên các nhà máy tại Thành phố Hồ Chí Minh và Ninh Thuận. Theo thỏa thuận, dự án có công suất 2,884 kwp, với sản lượng điện được sản xuất hàng năm dự kiến khoảng 4,2 triệu kWh/năm. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm chi phí sử dụng điện, làm tăng biên lợi nhuận của Tổng Công ty mà còn giúp giảm phát thải khí nhà kính, xây dựng thương hiệu “xanh”, giảm nguy cơ thiếu điện ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, sản xuất. Việc sử dụng các loại đèn chiếu sáng sử dụng ít năng lượng nhưng lại mang hiệu quả chiếu sáng vừa đủ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng góp phần tiết kiệm năng lượng điện cho Tổng Công ty.





Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Stt	Hạng mục	ĐVT	Tổng số lượng	Số lượng tái sử dụng	Số lượng vật liệu tái chế	%	Ghi chú
I Vật liệu							
1	Bao PP	Cái	12.790	-	-	0,00%	-
2	Thùng carton	Cái	7.895	-	-	0,00%	-
3	Tấm lót thùng	Tấm	9.735	-	-	0,00%	-
4	Tấm lót 13 lớp	Tấm	145.740	144.815	-	99,37%	-
5	Tem sợi	Cái	5.442.100	-	-	0,00%	-
6	Bao xốp	Kg	7.282	1.300	-	17,85%	-
7	Cone giấy	Cái	176.805	-	-	0,00%	-
8	Cone nhựa	Cái	1.844.094	1.844.094	-	100,00%	Lượt sử dụng
9	Đai nẹp thùng	Kg	1.550	-	-	0,00%	-
10	Dây nylon	Kg	140	-	-	0,00%	-
11	Lõi nhựa nhuộm sợi	Cái	4.192.400	-	-	0,00%	-
12	Màng PE 500 mm 16 kg/ cuộn	Cuộn	441	-	-	0,00%	-
13	Màng PE 500 mm 5 kg/ cuộn	Cuộn	550	-	-	-	-
II Nguyên liệu							
1	Xơ Polyester	Kg	2.861.577	-	561.245	19,61%	-
2	Sợi Filament	Kg	1.914.481	-	790.085	41,27%	-





Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Người lao động được trang bị đủ đồ bảo hộ lao động, môi trường làm việc an toàn đáp ứng đúng các quy định về an toàn vệ sinh lao động.
- Tổng Công ty chăm lo bữa ăn giữa ca cho người lao động đầy đủ dinh dưỡng, đối với lao động nặng nhọc độc hại có chính sách bồi dưỡng riêng.
- Tổng Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% người lao động. Có bố trí Trạm Y tế cơ quan tại Tổng Công ty CP Phong Phú để thường xuyên theo dõi chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- Trong đợt dịch Covid-19 diễn biến phức tạp (Tháng 07 - 08/2021), Tổng Công ty đã phối hợp chặt chẽ với cơ quan Y tế địa phương tổ chức cho 100% người lao động được chích ngừa đủ ít nhất 02 mũi vaccin và hơn 90% người lao động được tiêm mũi 3 vaccin tăng cường.

Hoạt động đào tạo người lao động:

- Hoạt động đào tạo được Ban lãnh đạo Tổng Công ty đặc biệt quan tâm, vì lực lượng lao động chính là nòng cốt và sức khỏe của một doanh nghiệp. Tổng Công ty luôn chú trọng thu hút nguồn nhân lực, đào tạo, sử dụng, đãi ngộ đội ngũ cán bộ. Có kế hoạch tuyển dụng đào tạo đội ngũ kỹ thuật chuyên môn am hiểu sâu về công nghệ sản xuất. Xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp cho đội ngũ kỹ sư, công nhân lao động giỏi có sáng kiến, giải pháp cải tiến sản xuất, hợp lý hóa quản trị về nhân lực, điều hành sản xuất mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty.
- Thực hiện tốt các chế độ chính sách của nhà nước, quy định của pháp luật đối với người lao động. Căn cứ vào thị trường tiền lương, tiếp tục xây dựng hoàn thiện chính sách thu nhập và phúc lợi cho người lao động dựa vào năng lực và hiệu quả đóng góp, để linh hoạt cho từng cá nhân, từng vị trí công việc. Bảo đảm việc làm, nguồn thu nhập ổn định và không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.





Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Tổng Công ty quan niệm rằng một doanh nghiệp lớn mạnh thì không chỉ mang lại lợi ích tối đa cho các Cổ đông mà còn phải thể hiện giá trị tốt đẹp của mình đối với các cộng đồng địa phương nói riêng và xã hội nói chung. Trong năm 2023, Tổng Công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động xã hội, từ thiện hướng đến xây dựng hình ảnh, thương hiệu Phong Phú thân thiện trong cộng đồng như: trong năm đã đóng góp hơn sáu (6 tỷ đồng) vào các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, trao học bổng tiếp sức đến trường; tham gia đóng góp, ủng hộ “Quý Vị người nghèo” tại địa phương; Quý tương thân tương ái; Xây dựng cầu dân sinh tại một số địa phương v.v.



03

Báo cáo và đánh giá của ban Tổng Giám Đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính (hợp nhất)

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội





Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Khó khăn



Năm 2023 là năm khó khăn nhất trong suốt hơn 30 năm xuất khẩu của ngành dệt may, nếu không tính năm 2020 thế giới đóng cửa vì dịch bệnh. Việc khó khăn đến từ sự suy yếu của người tiêu dùng đối với các mặt hàng dệt may. Bên cạnh đó, ngành dệt may Việt Nam hiện đang phải cạnh tranh với Bangladesh. Trong khi nước bạn đã sớm áp dụng chuyển đổi xanh, ngành dệt may Việt Nam mới đang trên những bước đầu của chuyển đổi. Trên thị trường sợi cotton, nhu cầu mua từ các đối tác Trung Quốc vẫn tiếp tục suy giảm mà chưa thấy dấu hiệu hồi phục. Điều này dẫn đến việc lượng tồn kho sợi cotton ở mức cao, khiến các nhà cung cấp phải cạnh tranh về giá để giảm lượng tồn kho.

Dự báo tình hình thị trường sợi phục hồi vẫn khó khăn, nhu cầu ít và không liên tục trong năm 2024. Thị trường có xu hướng sử dụng sợi polyester để giảm giá thành. Ngoài ra, năm 2024, ngành dệt may sẽ phải tiếp tục đối mặt những vấn đề như: Đơn hàng xuất khẩu còn giảm, dù đang bớt đi; chuỗi cung ứng còn rủi ro, chi phí đầu vào còn cao; xu hướng chuyển đổi số; xu hướng xanh hóa, kinh doanh tuần hoàn diễn ra nhanh,...

Thuận lợi



Với vị thế là một Tổng Công ty có 60 năm tuổi kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực dệt may, Phong Phú đã thể hiện được vai trò của người tiên phong trong ngành dệt may. Không chỉ đổi mới về công nghệ trong sản xuất kinh doanh và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, mà Tổng Công ty còn sở hữu nguồn nhân lực có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may. Trong khi những khó khăn xuất phát từ thị trường thế giới, thì thị trường nội địa vẫn còn rất nhiều tiềm năng để khai thác. Do đó, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể tự tin đương đầu với những khó khăn trong năm 2024 với mục tiêu là tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông và thể hiện những trách nhiệm của mình đối với người lao động trong Tổng Công ty, xã hội.

Những tiến bộ đã đạt được



Trong năm 2023, ngành dệt may gặp nhiều khó khăn do sự biến động của thị trường. Mặc dù vậy, Tổng công ty vẫn đạt được những tiến bộ đáng kể thông qua một loạt các chiến lược quyết đoán như: đàm phán thành công để giảm giá nguyên vật liệu đầu vào, triển khai các chương trình tiết kiệm chi phí và sáng kiến cải tiến, giải quyết hàng tồn kho tồn đọng và thực hiện một số chính sách để cơ cấu nguồn vốn được an toàn hơn.





Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (tiếp theo)

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% so với KH năm 2023
1	Tổng doanh thu	2.250	2.113	93,91%
2	Lợi nhuận trước thuế	400	320	80,00%
3	Lợi nhuận sau thuế	397	317	79,85%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% so với KH năm 2023
1	Tổng doanh thu	1.800	1.809	100,50%
2	Lợi nhuận trước thuế	290	351	121,03%
3	Lợi nhuận sau thuế	290	351	121,03%

Trong năm 2023, Tổng Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để nâng cao hiệu quả quản lý và năng lực cạnh tranh:

- Về quản trị, Tổng Công ty đã cập nhật và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ từ các phòng ban đến nhà máy, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.
- Về hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty đặt việc nâng cao năng lực sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh trong ngành lên hàng đầu, với 02 dự án trọng điểm là đầu tư thay thế máy đánh ống cho nhà máy Sợi Chỉ May (tổng giá trị trên 35 tỷ đồng) và đầu tư thay thế thiết bị tăng năng lực sản xuất khăn bông (tổng giá trị trên 85 tỷ đồng).

Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng hoàn thành một số giải pháp để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh tốt hơn, bao gồm:

- Tái cấu trúc và chuyên môn hóa các hoạt động sản xuất và kinh doanh, bao gồm mở rộng bộ phận kinh doanh và đào tạo nội bộ cho nhân viên.
- Áp dụng chương trình số hóa quản lý để cải thiện quản trị và giảm chi phí.

Ngoài những nỗ lực trong việc quản trị Công ty và hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty còn chú trọng thực hiện trách nhiệm xã hội, qua đó đóng góp hơn 6 tỷ đồng vào các hoạt động xã hội và từ thiện như đền ơn đáp nghĩa, giảm nghèo, trao học bổng, ủng hộ các quỹ từ thiện địa phương, cũng như xây dựng cầu dân sinh, nhằm xây dựng hình ảnh và thương hiệu Phong Phú thân thiện trong cộng đồng.





Tình hình tài chính (Hợp nhất)

Tình hình tài sản (Hợp nhất)

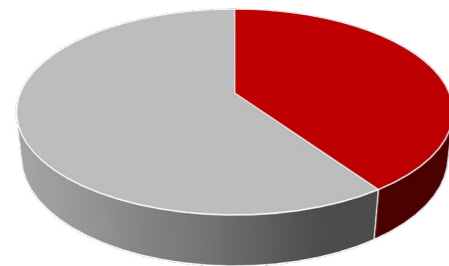
Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	% 2023/2022
Tài sản ngắn hạn	1.381.293.250.928	40,41%	1.657.799.775.904	46,85%	120,02%
Tài sản dài hạn	2.037.285.181.227	59,59%	1.880.979.683.897	53,15%	92,33%
Tổng tài sản	3.418.578.432.155	100,00%	3.538.779.459.801	100,00%	103,52%

So với thời điểm cuối năm 2022, Tài sản ngắn hạn cuối kỳ năm 2023 đã tăng từ 1.381 tỷ đồng lên 1.658 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng 20,02%, tỷ trọng tăng từ 40,41% lên 46,85%, chủ yếu là việc tăng khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

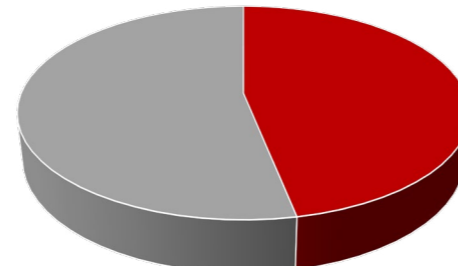
Ngược lại, tài sản dài hạn giảm từ 2.037 tỷ đồng xuống còn 1.881 tỷ đồng, giảm 7,67% và tỷ trọng trong tổng tài sản cũng giảm từ 59,59% xuống còn 53,15%, việc giảm chủ yếu đến từ việc giảm các khoản phải thu dài hạn, trong khi các tài sản cố định được giữ ở mức ổn định. Việc thu hồi vốn từ các khoản phải thu đã được sử dụng để tăng cường vốn lưu động, hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Đây được coi là một bước đi chiến lược và mang tính tích cực, giúp Tổng công ty tăng cường khả năng thanh toán và đảm bảo tính linh hoạt trong quản trị tài chính.

Tỷ trọng 2022



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Tỷ trọng 2023



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn



Tình hình nợ phải trả (Hợp nhất)

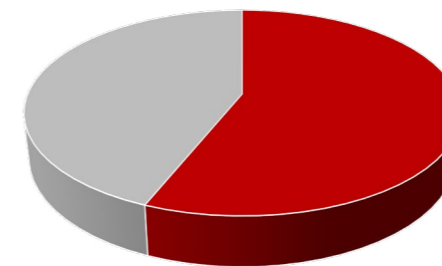
Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	% 2023/2022
Nợ ngắn hạn	917.588.717.501	56,13%	1.165.014.060.597	66,18%	126,96%
Nợ dài hạn	717.216.720.939	43,87%	595.477.291.206	33,82%	83,03%
Tổng nợ phải trả	1.634.805.438.440	100,00%	1.760.491.351.803	100,00%	107,69%

Năm 2022, nợ ngắn hạn chiếm 56,13% tổng nợ phải trả, nhưng vào năm 2023, tỷ trọng này đã tăng lên đáng kể, chiếm 66,18% với tổng số nợ ngắn hạn lên đến khoảng 1.165 tỷ đồng. Sự tăng trưởng này cho thấy Tổng công ty đã tăng cường sử dụng các nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh.

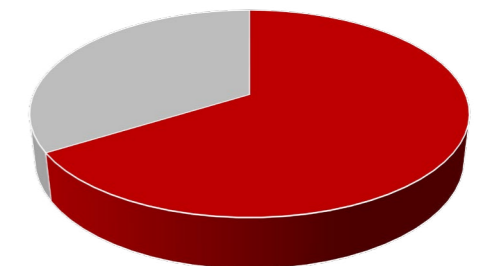
Trong khi đó, nợ dài hạn giảm 17,97%, từ 717 tỷ đồng xuống còn khoảng 595 tỷ đồng, tỷ lệ giảm là 17,97% và tỷ trọng trong tổng nợ phải trả cũng giảm từ 43,87% xuống 33,82%, chủ yếu là giảm khoản vay dài hạn, nằm trong các chính sách cơ cấu lại nguồn vốn để đảm bảo an toàn tài chính.

Tỷ trọng 2022



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Tỷ trọng 2023



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm qua, Tổng Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, cơ cấu lại nhân sự Ban điều hành để phục vụ cho các hoạt động của Công ty.



Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc hoàn toàn đồng ý với các ý kiến của Kiểm toán viên. Ban Tổng Giám đốc cũng không có ý kiến giải trình thêm



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Nhận định về nền kinh tế

Thế giới: Dự báo thế giới năm 2024 diễn biến phức tạp với nhiều biến động khó lường. Tăng trưởng tiềm năng toàn cầu dự kiến sẽ giảm xuống mức thấp nhất trong 3 thập kỷ, đạt 2,2% trong thời gian còn lại của thập niên này. Nợ công toàn cầu tăng, bầu cử ở Mỹ, Châu Âu, Nga, Ấn Độ, cùng với căng thẳng chính trị như xung đột Nga-Ukraine và Israel-Hamas, mang đến những rủi ro tiềm ẩn về việc thay đổi về kinh tế- chính trị, ảnh hưởng đến thị trường xuất khẩu Mỹ, EU,...

Việt Nam: Nhờ nội lực mạnh và phản ứng linh hoạt, kinh tế Việt Nam vẫn có triển vọng tích cực. Sau một năm trì trệ do ảnh hưởng từ bên ngoài, kinh tế Việt Nam năm 2024 được dự báo khá lạc quan, tăng trưởng GDP sẽ phục hồi mạnh mẽ lên mức 5,5-6,5%, lạm phát ổn định (theo đánh giá của các tổ chức quốc tế và IMF dự báo mức tăng 5,8%). Việt Nam nổi bật với sự ổn định kinh tế vĩ mô và chính sách tài khóa, tiền tệ linh hoạt, đồng thời mở rộng quan hệ quốc tế và tận dụng các hiệp định thương mại, hứa hẹn sự phục hồi mạnh mẽ hậu Covid-19.

Các chỉ tiêu cho kế hoạch kinh doanh (hợp nhất) năm 2024



TH 2023

2.113 Tỷ đồng
TỔNG DOANH THU

320 Tỷ đồng
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

KH 2024

2.600 Tỷ đồng
TỔNG DOANH THU
Tăng 23% so với TH 2023

330 Tỷ đồng
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
Tăng 3% so với TH 2023



Kế hoạch phát triển trong tương lai (tiếp theo)

Chiến lược

Tiếp tục giữ vững và phát triển 02 chuỗi cung ứng Sợi Chỉ May và Sản phẩm Gia Dụng (khăn bông và các sản phẩm tương tự).

Với ngành Sợi

- Tiếp tục phân bổ nguồn lực hợp lý cho ngành Sợi Chỉ May;
- Tích cực chủ động cùng đối tác Coats cải tiến và phát triển thêm mặt hàng mới; Đa dạng các chủng loại sợi mốt có giá trị cao cung cấp cho Coats;
- Giữ vững vị thế là đơn vị duy nhất tại Việt Nam cung ứng sản phẩm sợi chỉ may cho Coats Việt Nam. Phấn đấu mở rộng thị trường cung ứng sợi chỉ may cho Coats khu vực và toàn cầu;
- Nghiên cứu tìm cơ hội gia nhập vào các chuỗi cung ứng mới để đầu tư phát triển.

Với ngành Khăn bông gia dụng

- Phát triển mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Phát triển sản phẩm mới, gia tăng doanh thu, lợi nhuận và uy tín thương hiệu. Nghiên cứu đầu tư phát triển các mặt hàng gia dụng ngoài khăn bông như chăn, draf, gối, rèm cửa....
- Tiếp tục củng cố các kênh bán hàng truyền thống: phát triển kênh bán hàng kỹ thuật số trên tất cả các sàn thương mại điện tử.
- Có lộ trình hợp lý hóa sản xuất theo hướng tinh gọn, phù hợp xu thế, đáp ứng yêu cầu nhanh và giảm chi phí sản xuất.

Phương hướng điều hành

Về thị trường

- Tập trung khai thác và giữ vững thị trường mục tiêu sẵn có, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm chiến lược xuyên suốt. Tăng cường phát triển các thị trường mà Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh và tận dụng tối đa cơ hội tại các thị trường ở những nước đã ký Hiệp định thương mại với Việt Nam.
- Lấy khách hàng làm trọng tâm, xây dựng hệ thống, chuỗi hoạt động đáp ứng theo yêu cầu của chuỗi cung ứng.

Quản trị sản xuất

- Các đơn vị, nhóm kỹ thuật chuyên gia thường xuyên chủ động tiếp cận kết nối thông tin với khách hàng nhằm phát triển mặt hàng mới, các yêu cầu mới của khách hàng.
- Tăng cường kiểm soát các định mức: năng suất, chất lượng, lao động, tiêu hao nguyên - nhiên - vật - phụ liệu, các chi phí phát sinh khác, đầu vào, đầu ra...
- Không ngừng nghiên cứu cải tiến phương pháp sản xuất, áp dụng các công nghệ kỹ thuật mới, đồng bộ các giải pháp cải tiến tất cả các công đoạn của dây chuyền sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh các dòng sản phẩm của Tổng Công ty.

Về tài chính

- Nâng động trong việc tìm kiếm, sử dụng những nguồn vốn vay và các chương trình thanh toán trả chậm liên kết với Ngân hàng có lãi suất ưu đãi cạnh tranh. Cân đối vay ngoại tệ phù hợp để tiết giảm chi phí lãi vay. Bên cạnh đó, tùy theo tình hình thực tế sẽ cân nhắc lựa chọn các kênh huy động vốn tối ưu nhất, đảm bảo đủ nguồn vốn với chi phí hợp lý cho đầu tư khi thị trường phát triển mạnh.
- Hoàn thiện chương trình số hóa dữ liệu tập trung của hệ thống quản lý, nâng cấp hệ thống cung cấp thông tin, dữ liệu về tài chính, kế toán để phục vụ tốt nhất cho hoạt động quản trị, điều hành của Lãnh đạo Tổng Công ty.
- Cơ cấu lại danh mục đầu tư, tăng cường hiệu quả sử dụng vốn đầu tư bằng nhiều biện pháp như đầu tư theo từng giai đoạn phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Nâng cấp hệ thống kiểm soát chi phí nhằm kiểm soát tốt nhất toàn bộ chi phí hoạt động phát sinh.
- Ngoài ra còn chú trọng công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Về nhân sự

- Quản trị chặt chẽ và nâng cao nguồn nhân lực ở tất cả các cấp, phân công giao việc, giao chỉ tiêu KPI, tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực cá nhân.
- Có kế hoạch tuyển dụng đội ngũ kỹ sư trẻ đào tạo kế thừa, trẻ hóa đội ngũ toàn hệ thống. Xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp cho đội ngũ kỹ sư, công nhân lao động giỏi có sáng kiến, giải pháp cải tiến sản xuất, hợp lý hóa quản trị về nhân lực, điều hành sản xuất mang lại hiệu quả thiết thực cho Tổng Công ty nhằm tạo động lực phát huy năng lực và khuyến khích CB-CNV sẵn sàng “dám nghĩ dám làm”;
- Đổi mới công tác tuyển dụng và đối tượng tuyển dụng bằng nhiều hình thức thích hợp, bằng nhiều kênh khác nhau, tuyển dụng viên người nước ngoài cho những vị trí chưa có ứng viên Việt Nam đáp ứng được, làm cho các ứng viên thấy được Tổng Công ty luôn mở rộng cửa đón mời và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất về việc làm, thu nhập, cơ hội thăng tiến, các ưu đãi và phúc lợi... cho các ứng viên từ công nhân đến nhân sự cấp cao về Tổng Công ty.
- Tiếp tục duy trì và phát huy mạnh mẽ các nét đẹp văn hóa đã trở thành truyền thống quý báu của Tổng Công ty, tinh thần đoàn kết trên dưới một lòng, tính trung thực đạo đức trong sản xuất kinh doanh, sự thủy chung gắn bó với Tổng Công ty, sự chân thành cởi mở giúp đỡ lẫn nhau, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong công việc... Coi đây là nhiệm vụ quan trọng để xây dựng nền tảng vững chắc cho Tổng Công ty phát triển hiệu quả và bền vững.

Quản trị hệ thống thông tin

- Áp dụng đồng bộ số hóa dữ liệu quản lý vào quản trị toàn Tổng Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin bằng việc đầu tư thay thế trang thiết bị công nghệ thông tin tiên tiến có giá trị bảo mật cao.
- Sử dụng các phần mềm quản trị tiên tiến, rút ngắn thời gian, báo cáo kịp thời cho các cơ quan hữu quan và công tác công bố thông tin theo yêu cầu.



Kế hoạch phát triển trong tương lai (tiếp theo)

Các giải pháp thực hiện

Giải pháp thị trường

Thị trường xuất khẩu

Tổng Công ty tiếp tục củng cố và mở rộng thị trường chính là Nhật, đẩy mạnh phát triển thị trường Mỹ & Châu Âu, nắm bắt cơ hội phát triển 1 số thị trường lân cận khác.

- **Thị trường Nhật Bản:** Củng cố và nâng cao khả năng cạnh tranh cho khách hàng truyền thống, đồng thời mở rộng các chuỗi bán lẻ Aeon và Muji, cùng các khu vực lân cận ở Nhật Bản; tập trung vào việc tích hợp nguồn lực với các công ty có hệ thống logistic mạnh và đội ngũ nhân viên giỏi để thúc đẩy nhanh quá trình tiếp cận thị trường.
- **Thị trường Mỹ:** Chi phí logistic tại thị trường này đã ổn định; vì vậy, Tổng công ty tập trung tham gia đấu thầu các chương trình lớn, phát triển thêm nhóm khách hàng mới như chuỗi khách sạn trung và cao cấp, phát triển các khách hàng trong chuỗi bán lẻ chính đã vào mã vendor thành công như World Market, Kohl's, Costco, Volcom; đẩy mạnh mở rộng thị trường vào các chuỗi tiềm năng như Walmart, Sam' Club, TJX, Target; đồng thời phát triển phân khúc khăn nail, khăn nén (quà tặng) cho chuỗi hệ thống nail của cộng đồng người Việt lớn tại Mỹ/Canada.
- **Thị trường EU:** nhờ Hiệp định EVFTA, thuế nhập khẩu cho khăn tại Châu Âu đã giảm xuống còn 4% trong năm 2023 và sẽ tiếp tục giảm xuống 2% vào năm 2024. Điều này mở ra cơ hội cho PPH xuất khẩu khăn vào thị trường EU, bao gồm các đối tác lớn như Ikea, chuỗi siêu thị Lidl và Wraplo.
- **Các thị trường khác** cũng đang từng bước mở rộng như Úc, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc,...

Ngoài ra, Tổng Công ty nghiên cứu phát triển và bán sản phẩm mới có tính khác biệt về nguyên liệu mới (sản phẩm khăn từ sợi gai, sợi đay, sợi tơ tằm, sợi từ sản phẩm thiên nhiên như sợi mía, sợi bọc thun, dòng sợi cao cấp từ chải kỹ, CM,... nhằm gia tăng giá trị mang lại hiệu quả cao hơn.

Thị trường nội địa

- Phát triển đa kênh tối ưu hóa hiệu quả bán hàng.
- Tập trung nguồn lực phát triển kênh chính như siêu thị nhằm hướng tới phủ thị phần vừa nhãn hàng Phong Phú & nhãn hàng riêng tại toàn bộ các hệ thống, tăng cường chất lượng khâu chăm sóc ngành hàng.
- Đầu tư mạnh mẽ cho đội ngũ nhân sự phát triển kênh thương mại điện tử, tiếp cận và PR đến người tiêu dùng cuối cùng.





Kế hoạch phát triển trong tương lai (tiếp theo)

Các giải pháp thực hiện (tiếp theo)

Giải pháp về sản xuất

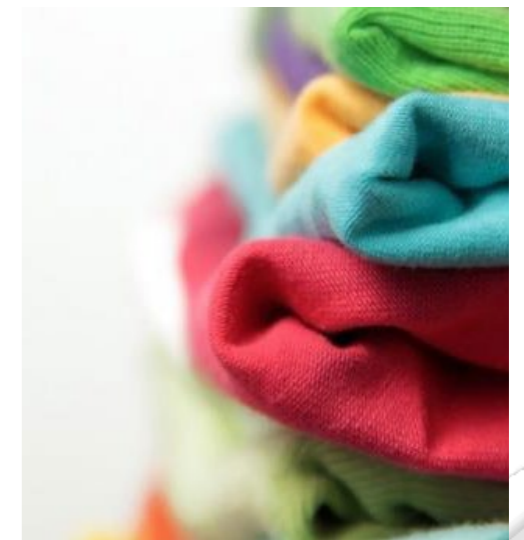
Một số chương trình trọng điểm trong sản xuất Sợi

- Phát triển sản xuất mặt hàng Recycle Micro filament (MFP, MFPH) và nâng sản lượng sợi dòng TXP, MFP từ 150 tấn/tháng lên 180 tấn/tháng.
- Thử nghiệm cải tiến qui cách thông số sợi mốt để tăng khả năng nhuộm đều màu đối với các dòng sản phẩm Micro fiber recycle.
- Nhân rộng chương trình tự động hóa kiểm soát hệ thống điều không thông gió tại các nhà máy sản xuất sợi hướng tới mục tiêu hoàn toàn
- Tự động, giảm tiêu thụ điện, duy trì ổn định chất lượng sợi.
- Đồng hành cùng đối tác như Coats để nâng cao hiệu quả sử dụng sợi: kết nối bộ phận kỹ thuật, chất lượng trao đổi, chia sẻ thông tin hai chiều với khách hàng về kết quả sử dụng sợi, chỉ may thành phẩm.
- Nghiên cứu, sản xuất thử các loại sợi mới: sợi siêu xoắn, siêu mềm, sợi lõi...



Một số chương trình trọng điểm trong sản xuất khăn bông gia dụng

- Nghiên cứu, phát triển dòng nguyên liệu phù hợp cho từng thiết kế sợi dọc-ngang-sợi bông cũng như tìm nguồn nguyên liệu đầu vào phù hợp nhằm mục đích tối ưu chi phí sản xuất, hiệu suất khai thác đồng thời khai thác sử dụng nguồn sợi nội bộ của Tổng Công ty, hạn chế tối đa nguồn sợi mua ngoài trừ trường hợp các loại sợi đặc biệt không sản xuất được tại chỗ.
- Tập trung đầu tư chiều sâu, thay thế máy móc thiết bị cũ lỗi thời để tập trung chuyên môn hóa giảm chi phí, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, cải tiến qui trình nhằm tăng năng suất lao động, rút ngắn tiến độ giao hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị chất lượng, điều độ và phân phối đơn hàng một cách chuyên nghiệp, linh động.
- Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị sản xuất và quản trị chất lượng trong từng khâu sản xuất, nhằm tăng lợi thế về "know how", giảm tối đa sản phẩm phải xử lý lại, giảm chi phí khâu nhuộm hoàn tất để tăng lợi thế cạnh tranh.





Kế hoạch phát triển trong tương lai (tiếp theo)

Các giải pháp thực hiện (tiếp theo)



Giải pháp về đầu tư

Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2024 theo mục tiêu đặt ra, Tổng Công ty CP Phong Phú tiếp tục thực hiện đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực sản xuất với chi phí đầu tư dự kiến khoảng hơn 100 tỷ đồng vào các chương trình sau:

- Đầu tư trang bị bộ dò đứt sợi trên các máy kéo sợi còn lại để giảm mức độ nặng nhọc cho người lao động (16 máy Rieter; 20 máy Toyota).
- Đầu tư bổ sung 01 máy đảo và 03 máy se để sản xuất sợi Micro filament polyester (MFP & RMP) cung cấp cho khách hàng Coats (dự kiến sản lượng từ 40-45/tấn tháng).
- Đầu tư 05 máy chải mới thay thế 5 máy chải tại nhà máy sợi Cotton nhằm tăng sản lượng 11%, tăng chất lượng sợi và giảm tiêu hao điện.
- Đầu tư dây chuyền sản xuất xơ tái chế, dây chuyền sản xuất sợi OE Recycle.
- Đầu tư 09 máy Jacquard để tăng năng lực sản xuất khăn từ 130 lên 170 conts/tháng trong năm 2024 và hướng đến mục tiêu 200-250 conts/tháng).
- Hoàn thiện hệ thống PCCC tại Thủ Đức (khoảng 12 tỷ) và Ninh Thuận (khoảng 6 tỷ).



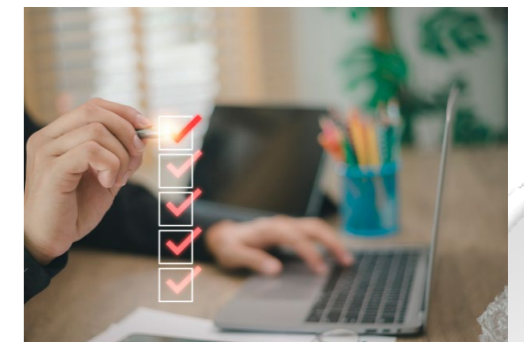
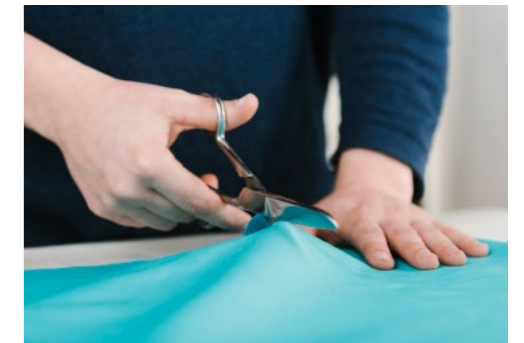
Giải pháp về tài chính

- Tiếp tục phối hợp với Tập Đoàn Dệt May Việt Nam liên quan đến chương trình trả nợ trước hạn khoản vay ADB.
- Tiếp tục xúc tiến tìm đối tác thoái vốn các khoản đầu tư ngoài ngành theo Nghị Quyết ĐHCĐ năm 2023, sớm thu hồi vốn.
- Kiểm soát chặt chẽ vòng quay vốn lưu động, hiệu quả sử dụng vốn, duy trì chỉ số Z-score năm 2024 tại Tổng Công ty và tại Công ty thành viên công ty con ổn định ở mức an toàn và lành mạnh.



Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

- Đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ công nhân viên.
- Thu hút nhân tài trong lĩnh vực dệt may.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và sáng tạo.
- Kết hợp các lớp/khóa đào tạo của trường đào tạo uy tín như Đại học Công nghiệp Dệt May, Học viên quản lý PACE... để gửi cán bộ qui hoạch đi đào tạo. Triển khai giao đề tài, đánh giá việc ứng dụng kiến thức quản lý đã học vào thực tế đã được đào tạo.
- Tiếp tục đào tạo nội bộ các chương trình bồi dưỡng kỹ năng mềm cho cán bộ quản lý cấp trung từ tổ trưởng sản xuất trở lên.





Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Tổng Công ty đã thực hiện các bước đáng kể nhằm cải thiện tác động của hoạt động sản xuất lên môi trường trong năm 2023. Việc ưu tiên sử dụng nguyên liệu tự nhiên như bông cotton và xơ Polyester không chỉ thể hiện chủ trương của Tổng Công ty đối với sản phẩm chất lượng cao mà còn phản ánh nỗ lực giảm tác động tiêu cực lên môi trường. Các sản phẩm từ những nguyên liệu này có khả năng phân hủy tự nhiên, giảm rõ rệt lượng rác thải không thể tái chế được, là một bước tiến vững chắc hướng tới sản xuất bền vững.

Bên cạnh việc lựa chọn nguyên vật liệu thân thiện môi trường, Tổng Công ty cũng đã mạnh dạn đầu tư vào năng lượng tái tạo, với việc phát triển điện mặt trời áp mái tại các nhà máy. Sáng kiến này không chỉ giúp giảm phụ thuộc vào các nguồn năng lượng truyền thống mà còn là một phần của giải pháp toàn cầu hóa để giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

Những nỗ lực này góp phần không nhỏ vào việc tăng cường giá trị sản phẩm và sức cạnh tranh của Tổng Công ty trên thị trường, đồng thời nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường. Để duy trì và phát triển bền vững, Tổng Công ty cần tiếp tục chú trọng vào nghiên cứu và áp dụng công nghệ mới trong sản xuất. Việc này sẽ thúc đẩy việc sử dụng năng lượng hiệu quả hơn, tiết kiệm nguyên vật liệu và giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường, bảo đảm một tương lai xanh hơn cho ngành công nghiệp dệt may.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Chính sách lao động của Tổng Công ty CP Phong Phú được thiết kế nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, với mục tiêu không chỉ tuân thủ quy định pháp luật mà còn vượt trội trong việc cung cấp một môi trường làm việc tốt nhất cho nhân viên.

Tổng Công ty CP Phong Phú đã triển khai các chính sách lao động hiệu quả, không chỉ tuân thủ quy định pháp luật mà còn tạo dựng một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và thúc đẩy sự phát triển bền vững của người lao động. Các biện pháp này không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp mà còn là yếu tố cốt lõi để xây dựng một thương hiệu uy tín và một cộng đồng làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Tổng Công ty CP Phong Phú nhận thức rõ ràng vai trò của mình không chỉ trong việc tạo lợi nhuận cho cổ đông mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội. Các hoạt động được triển khai thể hiện sự hỗ trợ tích cực cho cộng đồng, đặc biệt là những người dân gặp khó khăn do thiên tai và các hoàn cảnh đặc biệt khác.

Các hoạt động này không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội của Tổng Công ty mà còn góp phần nâng cao nhận thức và tạo động lực cho cộng đồng tham gia vào các hoạt động xã hội. Thông qua việc thực hiện các chương trình này, Tổng Công ty CP Phong Phú đã thể hiện vai trò của mình như một doanh nghiệp tiên phong trong việc thực thi các giá trị xã hội và cộng đồng, đồng thời góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.



04

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

Thuận lợi

Năm 2023, kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế thế giới, đặc biệt trong giai đoạn nửa đầu năm. Tuy vậy, xu hướng tích cực hơn trong những tháng cuối năm, cụ thể như sau:

- Nền kinh tế đang trên đà phục hồi, năng động và có độ mở cao được hỗ trợ bởi hoạt động xuất khẩu, chính sách tài khóa, tiền tệ linh hoạt, thúc đẩy đầu tư công.
- Tốc độ tăng trưởng GDP cả năm tăng 5,05%, mặc dù thấp hơn so với mục tiêu 6,5% nhưng Việt Nam là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Lạm phát ổn định ở mức 3,25 % (thấp hơn so với dự kiến khoảng 4,5%).
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm đạt 683 tỷ USD giảm 6,9% so với năm 2022; Trong đó kim ngạch xuất khẩu dệt may năm 2023 đạt 39,6 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu sang hầu hết các thị trường chủ lực đều giảm (Mỹ giảm 19%, EU giảm 14%...)

Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, đến năm 2023, kinh tế - xã hội tiếp tục xu hướng phục hồi, tháng sau tích cực hơn tháng trước, quý sau cao hơn quý trước, cơ bản đạt được mục tiêu tổng quát đề ra và đạt nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực; tiếp tục là điểm sáng của kinh tế toàn cầu;

Các doanh nghiệp Dệt May tích cực và chủ động đầu tư, cải tiến công nghệ, đổi mới trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu sản xuất những sản phẩm may mặc có chất lượng cao, từng bước tận dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhằm mang lại giá trị gia tăng cho hoạt động sản xuất của ngành.

Người lao động Dệt May cần cù, chịu khó, dễ thích nghi với sự chuyển đổi công nghệ, chuyển đổi mặt hàng; tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua lao động sáng tạo, có nhiều sáng kiến, cải tiến công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, rèn luyện tay nghề thành thợ giỏi, đồng hành cùng doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu.

Dưới tác động ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu, các doanh nghiệp Dệt May phản ứng nhanh với dịch bệnh, thiên tai, kịp thời đưa ra các phương án ứng phó, khắc phục hậu quả, tái thiết sản xuất và ổn định tâm lý người lao động (NLĐ). NLĐ thích ứng nhanh với việc sản xuất các sản phẩm mới mà thị trường cần; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống dịch bệnh; đồng hành, gắn bó, chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp. Nhờ đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn ngành vẫn đảm bảo; kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc vẫn tăng nhẹ so với cùng kỳ. Xét về mức độ suy giảm chung của ngành dệt may trên toàn thế giới, doanh nghiệp Dệt May Việt Nam vẫn là điểm sáng, mở ra nhiều cơ hội kinh doanh trong thời gian tới.

Khó khăn

Năm 2023 nền kinh tế toàn cầu vẫn còn chịu tác động kéo dài sau đại dịch Covid-19, xung đột địa chính trị leo thang giữa Nga - Ukraine kéo dài, chiến tranh Israel - Hamas và chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển làm cho tăng trưởng toàn cầu giảm, cụ thể:

- Theo IMF, tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2023 đạt khoảng 3% so với mức tăng trưởng 3,3 - 3,5% của năm 2022.
- Tổng cầu Dệt May năm 2023 giảm 11% so với năm 2022. Sức mua giảm, đặc biệt đối với hàng may mặc do ảnh hưởng bởi lạm phát, đơn hàng nhỏ lẻ, mức độ phức tạp cao, giao hàng nhanh, cạnh tranh khốc liệt về đơn giá.
- Lãi suất cơ bản vẫn duy trì ở mức cao từ 5,25% -5,5% trong nhiều tháng liên tiếp.
- Doanh nghiệp dệt may Việt Nam bất lợi về tỷ giá ngoại tệ, chi phí lao động cao hơn nhiều so với các quốc gia cạnh tranh như Ấn Độ, Bangladesh, Campuchia...

Kết quả đạt được trong năm 2023

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt **2.113 tỷ đồng**.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt **320 tỷ đồng**.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt **317 tỷ đồng**.
- Mức chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2023 dự kiến là **30%/mệnh giá CP**.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

“

Các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc có trình độ từ đại học trở lên và đa số đã có bằng thạc sỹ, được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, am hiểu sâu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp. Có sự hài hòa về chuyên ngành sợi dệt, kinh nghiệm, am hiểu sâu về qui trình công nghệ và các chuyên ngành tài chính, nhân sự, quản trị kinh doanh....

Tổng Giám đốc thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị hàng quý theo đúng quy định của Quy chế Nội bộ về quản trị Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý cấp trung.

Năm 2023 vẫn là một năm khó khăn do chịu ảnh hưởng từ hệ quả của đại dịch COVID-19. Ban Tổng Giám đốc xác định mục tiêu trong năm 2023 là: phục hồi và bứt phá (tăng trưởng lợi nhuận, phát triển thị trường). Vì vậy, Phong Phú đã nỗ lực không ngừng vì sự phát triển bền vững, đó là: kiên định với mục tiêu, quản trị thông minh, số hóa dữ liệu quản trị, đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, cập nhật công nghệ, khoa học kỹ thuật mới nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý của Tổng Công ty.

Trong năm 2023, theo đề nghị của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT đã bổ nhiệm bà Lê Thị Tú Anh- giữ chức vụ Kế toán trưởng Tổng Công ty CP Phong Phú thay cho bà Trương Thị Ngọc Phượng đã được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc điều hành. Thành lập mới Phòng Kinh doanh và Nhà máy sản xuất Sợi Chỉ May thuộc Tổng Công ty trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại Ngành sản xuất Sợi Chỉ May.

”





Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Các chương trình trọng điểm 2024

Tổng Công ty đã đề ra một loạt chương trình trọng điểm cho ngành sợi, nhằm tăng cường năng suất và chất lượng sản phẩm. Một trong những mục tiêu chính là mở rộng quy mô sản xuất sợi Micro filament tái chế (MFP, MFPH), cùng với việc tăng sản lượng của dòng sợi TXP, MFP từ 150 tấn lên 180 tấn mỗi tháng.

Tổng Công ty cũng đang tiến hành các thử nghiệm để cải tiến thông số kỹ thuật của sợi mộc, với mục đích nâng cao khả năng nhuộm đều màu cho dòng sản phẩm Micro fiber tái chế. Điều này không chỉ cải thiện chất lượng sản phẩm mà còn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Đối với quá trình sản xuất, có sự mở rộng áp dụng chương trình tự động hóa kiểm soát điều hòa nhiệt độ tại các nhà máy sợi, đặc biệt là tại Nhà máy sợi 3, nhằm chuyển đổi hoạt động sản xuất sang hệ thống hoàn toàn tự động. Điều này không những giúp giảm tiêu thụ điện năng mà còn đảm bảo sự ổn định trong chất lượng sợi sản xuất.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng đang hợp tác chặt chẽ với Coats Phong Phú để nâng cao sự ổn định trong chất lượng sợi, thông qua việc liên kết chặt chẽ giữa các bộ phận kỹ thuật và chất lượng, cũng như tăng cường giao lưu, chia sẻ thông tin với khách hàng.

Ngoài ra, Nhà máy Sợi cộc đang trong quá trình thử nghiệm sản xuất các loại sợi mới với đặc tính nổi bật như sợi siêu xoắn, siêu mềm và sợi lõi. Đây là những bước đi đột phá mở ra hướng phát triển mới cho các sản phẩm sợi, đồng thời củng cố vị thế của Tổng Công ty trong ngành.

Kế hoạch, định hướng

Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc và tập thể CBCNV quyết tâm nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao năm 2023 đảm bảo mục tiêu phấn đấu là **“phát triển bền vững, đổi mới thích ứng và hiệu quả vượt trội”** với các kế hoạch, định hướng sau:

- Chỉ đạo triển khai hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng quản trị về: công tác nhân sự, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, tài chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí ..., trong đó có xác định sự trì trệ không quyết tâm quyết liệt cũng là lãng phí cơ hội và tốc độ tăng trưởng.
- Chỉ đạo công tác lập quy hoạch, kế hoạch dài hạn và chiến lược phát triển của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.
- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, trong đó tập trung vào các dự án trọng điểm có hiệu quả tốt. Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới (drap, vỏ gối) và các sản phẩm khác nhằm mang về giá trị cao cho Tổng Công ty.
- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Đặc biệt quan tâm chỉ đạo công tác phòng chống rủi ro khách quan và chủ quan, chống tham nhũng, lãng phí, trì trệ ảnh hưởng đến kết quả, tốc độ tăng trưởng và sức khỏe của doanh nghiệp.
- Về củng cố phát triển nguồn nhân lực: Phải có giải pháp cụ thể tạo động lực tích cực cho người lao động, đặc biệt là lực lượng bán hàng và phát triển thị trường. Trí tuệ, thông minh sáng tạo và cống hiến phải gắn với thu nhập/thưởng xứng đáng để kích thích tư duy đột phá, đây chính là cốt lõi của đào tạo phát triển củng cố nguồn nhân lực.

Cuối cùng, HĐQT yêu cầu mỗi cá nhân Phong Phú hãy nỗ lực nhiều hơn nữa, **“nỗ lực vì Phong Phú cũng là vì chính chúng ta”**.

05

Quản trị Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty





Hoạt động của Hội đồng quản trị

Tổng Giám đốc đảm bảo thông tin liên tục và minh bạch với Hội đồng quản trị bằng cách cung cấp các báo cáo định kỳ về hoạt động tài chính, quản trị và các dự án đầu tư của Tổng Công ty. Nhờ sự cập nhật thông tin thường xuyên này, Hội đồng quản trị có khả năng giám sát sát sao và đưa ra hướng dẫn chính xác cho Ban Tổng Giám đốc, nhất là trong việc quản lý và điều hành tổ chức, cũng như trong việc tiến hành các dự án đầu tư và hoạt động kinh doanh một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Mọi sự kiện bất thường trong hoạt động của Tổng Công ty luôn được Ban Tổng Giám đốc thông báo ngay lập tức tới Hội đồng quản trị để đảm bảo rằng Hội đồng quản trị có đầy đủ thông tin và có thể đưa ra các đối sách một cách thích hợp.

Hội đồng quản trị cũng tham gia chủ động trong các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc, các hội thảo, hội nghị và các cuộc gặp mặt quan trọng với cơ quan chính phủ, ngành và đối tác, khi có các quyết định trọng yếu được thảo luận.

Hiện tại, Tổng Công ty cổ phần Phong Phú chưa thành lập các tiểu ban, mà Phòng Hành Chính Tổng hợp đang trực tiếp hỗ trợ Hội đồng quản trị. Phòng này có nhiệm vụ theo dõi, tổ chức và ghi chép biên bản cho các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các hội nghị khác. Đồng thời, phòng cũng đảm bảo thông tin được công bố kịp thời theo đúng quy định.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị



STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Quang Nghị	59/59	100%	-
2	Ông Dương Khuê	59/59	100%	-
3	Bà Phạm Minh Hương	59/59	100%	-
4	Bà Bùi Thị Thu	59/59	100%	-
6	Ông Phạm Phú Chung	59/59	100%	-

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị



Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
1	35/NQ-HĐQT	07/02/2023	Điều chỉnh Tổng dự toán dự án "Đầu tư thay thế máy đánh ống"	100%
2	1602/BB-HĐQT; 43/NQ-HĐQT	16/02/2023	Thông qua vay vốn tại ngân hàng ACB	100%
3	51/QĐ-HĐQT	27/02/2023	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023	100%
4	62A/NQ-HĐQT	06/03/2023	Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư "Showroom giới thiệu sản phẩm"	100%
5	62B/NQ-HĐQT	06/03/2023	Phê duyệt tổng dự toán dự án đầu tư "Showroom giới thiệu sản phẩm"	100%
6	62C/NQ-HĐQT	06/03/2023	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu tổng thể dự án đầu tư "Showroom giới thiệu sản phẩm"	100%
7	75/NĐ-HĐQT	15/03/2023	Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị tại nhà máy sợi Ninh Phú	100%
8	91/NĐ-HĐQT	04/04/2023	Hạn mức tín dụng vay vốn tại Vietcombank	100%
9	102/NĐ-HĐQT	14/04/2023	Bổ nhiệm Kế toán trưởng_Lê Thị Tú Anh	100%
10	92A/NĐ-HĐQT	15/04/2023	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023	100%
11	111A/QĐ-HĐQT	20/04/2023	Tạm ứng chi cổ tức đợt 2 năm 2022	100%
12	116/BB-ĐQT/PP	24/04/2023	Thông qua hạn mức bảo lãnh cho công ty Gia Dụng về vay vốn ngắn hạn tại ngân hàng Vietcombank	100%
13	129/QĐ-HĐQT	10/05/2023	Công tác nhân sự đại diện vốn tại Công ty CP Nam Dương Phú	100%
14	134A/QĐ-HĐQT	17/05/2023	Chi trả cổ tức năm 2022	100%
15	152/QĐ-HĐQT	29/05/2023	Công tác nhân sự đại diện vốn tại Công ty CP Dệt Đông Nam	100%
16	154A/QĐ-HĐQT	31/5/2023	Phê duyệt bổ sung tài sản thế chấp của Hợp đồng vay vốn ADB	100%



Hoạt động của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
17	159A/QĐ-HĐQT	06/06/2023	Công tác nhân sự đại diện vốn, để cử nhân sự vào HĐQT, BKS Công ty CP Phước Lộc	100%
18	162/QĐ-HĐQT	07/06/2023	Thống nhất thuê Công ty kiểm toán & Tư vấn A&C làm đơn vị kiểm toán năm 2023	100%
19	179/QĐ-HĐQT	22/6/2023	Tổ chức lại ngành sản xuất Sợi Chỉ May và thành lập phòng Kinh doanh trên cơ sở tổ chức lại Phòng KH Kinh doanh Sợi Chỉ May	100%
20	219A/NQ-HĐQT	27/07/2023	Phê duyệt thực hiện chương trình lắp đặt điện áp mái giai đoạn 2	100%
21	220A/NQ-HĐQT	28/07/2023	Phê duyệt mua xe nâng điện sử dụng tại Nhà máy Sợi 3	100%
22	239A/NQ-HĐQT	22/08/2023	Điều chỉnh Giấy chứng nhận Đầu tư "Nhà máy dệt vải Denim Nha Trang"	100%
23	251A/NQ-HĐQT	05/9/2023	Điều chỉnh dự án "văn phòng, cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm"	100%
24	266/QĐ-HĐQT	22/09/2023	Tham gia họp ĐHCĐ PPJ 2023	100%
25	286/NQ-HĐQT	16/10/2023	Vay vốn tại ngân hàng SeA Bank	100%
26	310A/NQ-HĐQT	07/11/2023	Thông qua chủ trương thoái vốn tại Công ty Nguyên liệu Dệt may VN	100%
27	317/NQ-HĐQT	15/11/2023	Tạm ứng cổ tức năm 2023 (đợt 1)	100%
28	330/NQ-HĐQT	01/12/2023	Thông qua phương án thoái vốn tại Công ty Nguyên liệu Dệt may VN	100%
29	332/QĐ-HĐQT	04/12/2023	Tạm ứng cổ tức năm 2023 (đợt 2)	100%
30	339A/NQ-HĐQT	07/12/2023	Phê duyệt phương án "Đầu tư bổ sung thiết bị tăng năng lực se sợi chỉ may"	100%
31	347/NQ-HĐQT	12/12/2023	Phê duyệt tổng dự toán phương án "Đầu tư bổ sung thiết bị tăng năng lực se sợi chỉ may"	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
32	348/NQ-HĐQT	14/12/2023	Phê duyệt kế hoạch đầu thầu tổng thể phương án "Đầu tư bổ sung thiết bị tăng năng lực se sợi chỉ may"	100%
33	356/NQ-HĐQT	22/12/2023	Thông qua ký kết và thực hiện các hợp đồng/giao dịch giữa Tổng Công ty với các bên liên quan	100%





Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện nhiệm vụ giám sát của BKS theo luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, hoạt động của BKS năm 2023 như sau:

Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện

- Điều lệ hoạt động, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT;
- Các phiên họp của HĐQT;

Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Tổng Công ty và các công ty có vốn của Tổng Công ty;
- Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty mẹ và các Công ty con của Tổng Công ty;
- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư của Tổng Công ty mẹ và các Công ty con của Tổng Công ty;

Các hoạt động liên quan

- Kiểm tra định kỳ: Thẩm định báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty.
- Cảnh báo rủi ro trong hoạt động SXKD, tài chính, đầu tư.
- Tham gia dự họp các phiên họp của HĐQT.
- Tổ chức các phiên họp của BKS.

Các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ	02	100%
2	Bà Trần Liên Hữu	02	100%
3	Bà Vũ Thị Thùy Dương	02	100%



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được trình bày tại Báo cáo tài chính năm 2023.

Giao dịch CP của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Mỗi quan hệ với người nội bộ	Chức vụ/ Mỗi quan hệ với người nội bộ		Số lượng cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
I Người nội bộ							
1	Phạm Minh Hương	TV. HĐQT	245.655	0,33%	603.891	0,81%	358.236 CP (Nhận thừa kế từ mẹ là bà Trần Thị Đường)
2	Phạm Minh Hương	TV. HĐQT	603.891	0,81%	962.227	1,29%	Mua
II Người có liên quan của người nội bộ							
Người có liên quan của bà Phạm Minh Hương - Thành viên HĐQT							
1	Phạm Minh	Cha		0%	358.236	0,48%	358.236 CP (Nhận thừa kế từ vợ là bà Trần Thị Đường)
2	Phạm Minh	Cha	358.236	0,48%	-	-	Bán
Người có liên quan của bà Bùi Thị Thu - Thành viên HĐQT							
3	Ngô Ngọc Thanh	Chồng	34.645	0,05%	-	-	Bán
Người có liên quan của ông Đoàn Kiên - Giám đốc điều hành							
4	Đoàn Trinh	Em	41.000	0,05%	-	-	Bán



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Hợp đồng, giao dịch với bên liên quan

Đơn vị: đồng

Stt	Nghiệp vụ	Giá trị giao dịch	Ghi chú
Tập đoàn Dệt May Việt Nam			
1	Mua hàng hóa, nguyên liệu	492.083.000	
2	Mua dịch vụ	298.860.606	
3	Lãi và phí của khoản vay lại nguồn vốn vay ADB	36.299.798.884	
4	Chi trả cổ tức năm 2022 phần còn lại	56.113.194.000	
5	Tạm ứng cổ tức năm 2023	93.521.990.000	
Công ty CP Dệt Gia Dụng Phong Phú			
1	Bán hàng hóa, thành phẩm	221.710.709.180	
2	Cung cấp dịch vụ	81.810.079.787	
3	Lãi cho thuê tài sản	15.829.556.439	
4	Cổ tức nhận được	11.520.000.000	
5	Mua hàng hóa, nguyên liệu	303.234.920.992	
6	Mua dịch vụ	7.873.730.207	
Công ty TNHH Coats Phong Phú			
1	Bán hàng hóa, thành phẩm	496.504.226.292	
2	Cung cấp dịch vụ	15.177.221.087	
3	Nhận cổ tức năm 2022	410.844.829.248	
4	Mua hàng hóa, nguyên liệu	229.215.946.870	

Đơn vị: đồng

Stt	Nghiệp vụ	Giá trị giao dịch	Ghi chú
Công ty CP Dệt May Nha Trang			
1	Bán hàng hóa, thành phẩm	3.592.970.303	
2	Cung cấp dịch vụ	6.553.775.136	
3	Lãi cho thuê tài sản	4.527.399.646	
4	Mua hàng hóa, nguyên liệu	9.534.114.491	
5	Mua dịch vụ	15.852.609.622	
6	Chi phí hỗ trợ	2.564.726.758	
Công ty CP Phước Lộc			
1	Bán hàng hóa, thành phẩm	48.025.067.514	
2	Cung cấp dịch vụ	5.789.008.155	
3	Nhận cổ tức năm 2022	900.000.000	
4	Mua hàng hóa, nguyên liệu	64.397.577.810	
5	Chi trả cổ tức năm 2022 phần còn lại	38.692.500	
6	Tạm ứng cổ tức năm 2023	64.487.500	
Công ty CP Quốc Tế Phong Phú			
1	Cung cấp dịch vụ	14.981.054.966	
2	Cổ tức nhận được	7.200.000.000	
3	Chi trả cổ tức năm 2022 phần còn lại	1.505.812.500	
4	Tạm ứng cổ tức năm 2023	2.509.687.500	
Công ty Cổ phần May Đà Lạt			
-	Cổ tức nhận được	634.652.566	



Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị công ty luôn được Phong Phú đảm bảo theo đúng Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Tổng Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Tổng Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Tổng Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Tổng Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Tổng Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Tổng Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Tổng Công ty Phong Phú theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BCN ngày 11 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446006, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 35 147 340
- Fax : (84-28) 38 406 790

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang	Km1447, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Lạt – Khách sạn Du Lys	14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Ninh Thuận – Nhà máy Sợi Ninh Phú	Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, vải, sợi, quần áo, hàng may sẵn (trừ trang phục, trừ tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng); Bao bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may. Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ;
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh;
- Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà;
- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí;
- Xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Bán lẻ hàng may mặc;

- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Quang Nghi	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Dương Khuê	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Phú Chung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2022
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Bùi Thị Thu	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Trần Liên Hữu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Dương Khuê	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2020
Bà Lê Thị Hoàng Trang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022
Ông Phạm Phú Chung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2022
Ông Lý Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Giám đốc điều hành	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2019
Ông Đoàn Kiên	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2021
Bà Trương Thị Ngọc Phượng	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Dương Khuê – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Dương Khuê
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2024, từ trang 07 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.4 và VIII.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về việc chuyển nhượng Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV và Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng theo phán quyết ngày 18 tháng 12 năm 2021 và phúc thẩm ngày 08, 09 và 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Ngày 17 tháng 01 năm 2024 Tổng Công ty đã tiến hành giao tài sản dự án khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV. Hiện tại Tổng Công ty và Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV đang thực hiện các bước tiếp theo và chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa các bên theo quy định pháp luật hiện hành.



Nguyễn Thị Phước Tiên
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2023-008-1
Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Hoàng Yên
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0088-2023-008-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.657.799.775.904	1.381.293.250.928
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	74.073.059.413	72.369.002.941
1. Tiền	111		67.797.035.859	33.811.483.533
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.276.023.554	38.557.519.408
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		490.656.983.597	273.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	490.656.983.597	273.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		495.303.760.934	461.098.469.443
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	374.560.508.379	316.161.111.140
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.220.335.833	3.317.411.804
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	136.997.473.022	166.670.574.126
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(25.111.525.365)	(25.434.741.362)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		636.969.065	384.113.735
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	595.755.494.721	573.439.047.155
1. Hàng tồn kho	141		605.029.837.217	590.346.200.267
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.274.342.496)	(16.907.153.112)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.010.477.239	1.386.731.389
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.166.896.503	1.000.648.097
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		635.811.721	173.093.225
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	207.769.015	212.990.067
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.880.979.683.897	2.037.285.181.227
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.948.001.131	2.376.600.334
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.948.001.131	2.376.600.334
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.139.015.542.078	1.107.575.697.873
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.045.043.899.121	982.414.704.634
- Nguyên giá	222		2.301.518.088.117	2.155.310.441.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.256.474.188.996)	(1.172.895.736.840)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	93.851.024.744	125.002.979.898
- Nguyên giá	225		100.459.854.557	149.284.403.090
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.608.829.813)	(24.281.423.192)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	120.618.213	158.013.341
- Nguyên giá	228		583.927.273	583.927.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(463.309.060)	(425.913.932)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.703.961.819	88.002.516.932
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.12	-	65.337.246.943
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.703.961.819	22.665.269.989
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		715.157.944.519	810.572.619.545
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	631.403.652.016	721.998.197.498
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	105.929.737.637	105.929.737.637
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(22.175.445.134)	(17.355.315.590)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		23.154.234.350	28.757.746.543
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12.328.445.529	13.995.307.242
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	10.825.788.821	14.762.439.301
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.538.779.459.801	3.418.578.432.155

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.760.491.351.803	1.634.805.438.440
I. Nợ ngắn hạn	310		1.165.014.060.597	917.588.717.501
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	262.271.396.369	178.187.229.630
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	137.439.253.933	134.732.402.120
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	108.305.519.548	80.177.508.306
4. Phải trả người lao động	314	V.19	61.778.793.622	68.715.643.874
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	8.423.087.802	9.178.291.428
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21a	3.440.009.981	3.260.362.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a,c	103.246.176.287	62.459.083.687
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a,c	402.583.798.387	294.436.328.211
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.24	62.473.188.366	62.473.188.366
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	15.052.836.302	23.968.679.879
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		595.477.291.206	717.216.720.939
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21b	24.487.076.071	23.921.816.904
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b,c	9.926.000.000	9.926.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b,c	561.064.215.135	683.368.904.035
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.778.288.107.998	1.783.772.993.715
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.778.288.107.998	1.783.772.993.715
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.26	746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	32.368.276.001	32.368.276.001
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.26	471.023.935.263	440.807.767.529
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.26	497.856.654.003	539.772.159.353
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		374.281.909.136	539.772.159.353
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		123.574.744.869	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.26	30.330.332.729	24.115.880.832
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.538.779.459.801	3.418.578.432.155

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.754.522.756.502	1.745.516.861.747
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.141.359.865	2.111.097.881
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.749.381.396.637	1.743.405.763.866
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.401.637.434.862	1.393.246.121.890
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		347.743.961.775	350.159.641.976
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	43.283.518.454	76.174.691.244
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	87.735.875.529	100.560.541.854
Trong đó: chi phí lãi vay	23		59.352.205.703	42.241.724.408
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	320.268.114.578	406.491.989.704
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	77.059.549.951	64.690.293.031
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	221.824.872.170	188.326.180.572
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		324.675.297.157	479.249.307.467
12. Thu nhập khác	31	VI.8	124.867.296	2.165.639.154
13. Chi phí khác	32	VI.9	5.065.667.225	1.809.916.060
14. Lợi nhuận khác	40		(4.940.799.929)	355.723.094
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		319.734.497.228	479.605.030.561
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	2.991.362.446	2.653.282.311
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		316.743.134.782	476.951.748.250
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		311.362.639.035	471.873.906.754
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.380.495.747	5.077.841.496
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.865	5.946
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	3.865	5.946

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024



Trần Lan Anh
Người lập

Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng

Dương Khuê
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024



Trần Lan Anh
Người lập

Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng

Dương Khuê
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		319.734.497.228	479.605.030.561
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10 V.11, V.15	138.365.572.429	141.826.056.910
- Các khoản dự phòng	03	V.2c, V.6 V.7	1.845.909.599	(13.098.713.556)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	16.843.485.309	20.451.974.313
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b, VI.4, VI.8, VI.9	(352.240.488.747)	(470.152.913.352)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	59.352.205.703	42.241.724.408
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		183.901.181.521	200.873.159.284
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(45.204.322.300)	219.544.531.700
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.331.825.853	48.588.636.000
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		108.357.688.246	(93.617.906.984)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.793.143.538	5.282.027.407
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.20, V.22a, V.23	(65.692.256.306)	(61.452.522.078)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	VI.5, VII V.18	(2.539.266.395)	(3.029.013.078)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.25, V.26	(31.897.121.832)	(20.890.279.183)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		156.050.872.325	295.298.633.068
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.13, VII	(62.870.816.506)	(22.407.602.638)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8, VI.9	9.618.307.947	1.787.037.038
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(938.286.972.597)	(548.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	720.629.989.000	408.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	52.417.942.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2b, V.5a, VI.4, VII	460.865.516.582	506.154.641.046
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		189.956.024.426	398.352.017.446

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.23	749.222.852.583	984.333.949.056
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.23	(770.860.085.257)	(1.347.276.047.843)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.23	(66.992.823.059)	(17.660.590.180)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22, V.26	(255.713.371.765)	(306.727.476.635)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(344.343.427.498)	(687.330.165.602)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.663.469.253	6.320.484.912
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	72.369.002.941	66.158.052.726
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		40.587.219	(109.534.697)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	74.073.059.413	72.369.002.941

Trần Lan Anh

Trần Lan Anh
Người lập

Lê Thị Tú Anh

Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Dương Khuê
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tẩy, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Mua bán hóa chất, thuốc nhuộm (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận của Tập đoàn năm nay giảm so với năm trước chủ yếu là do giảm lãi trong công ty liên doanh, liên kết. Ngoài ra do năm trước có phát sinh lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính và hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng làm cho lợi nhuận năm nay giảm so với năm trước.

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị của ngày 30 tháng 12 năm 2023, nhằm chuẩn bị thực hiện phương án khai thác sử dụng nhà xưởng tại khu đất số 2 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh vào năm 2024 và có cơ sở ghi nhận chi phí giá vốn cho dự án hợp tác, Tổng Công ty đã thống nhất ghi nhận tăng tài sản từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn của dự án Nhà xưởng Thăng Lợi tại khu đất số 2 Trường Chinh, Tây Thạnh, Quận Tân Phú vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú (trước đây là Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú)	Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; Mua bán hóa chất thuốc nhuộm, máy móc thiết bị ngành dệt may	90%	90%	90%
Công ty Cổ phần Nam Dương Phú (*)	48 Tầng Nhơn Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi	96,95%	96,95%	96,95%

(*) Theo điều lệ của Công ty Cổ phần Nam Dương Phú, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nam Dương Phú với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 48% và Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú đầu tư vào Công ty Cổ phần Nam Dương Phú với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 10%. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông Công ty Cổ phần Nam Dương Phú chưa thực hiện góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký nên tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn theo tỷ lệ góp vốn thực tế tại Công ty Cổ phần Nam Dương Phú là 96,95%.

6b. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Số 48 Tầng Nhơn Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Số 159 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản	21,51%	21,51%	21,51%	21,51%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 09 Phù Đổng Thiên Vương, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt may	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	Số 378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	47,64%	44,02%	47,64%	44,02%
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Số 168B Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh bóng nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông	31,71%	31,71%	34,74%	34,74%
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	Số 727 Âu Cơ, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm dệt	35,99%	35,99%	35,99%	35,99%
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất các sản phẩm dệt	23,89%	23,89%	23,89%	23,89%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.937 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.648 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi của phải thu khách hàng được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản phải thu khác được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
 - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
 - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí thuê và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa là các chi phí thực tế chi ra để sửa chữa văn phòng cho thuê và máy móc thiết bị. Chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (12 năm).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	06 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có Chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

17. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

18. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

23. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.598.777.712	1.506.037.810
Tiền gửi ngân hàng	66.198.258.147	32.305.445.723
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	6.276.023.554	38.557.519.408
Cộng	74.073.059.413	72.369.002.941

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 tháng đến 01 năm tại các ngân hàng.

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.253.638.578	332.359.745.569	417.613.384.147	85.253.638.578	403.885.652.375	489.139.290.953
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	10.000.000.000	6.480.834	10.006.480.834	10.000.000.000	(87.050.504)	9.912.949.496
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	6.769.616.000	(1.932.024.300)	4.837.591.700	6.769.616.000	(1.272.792.041)	5.496.823.959
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.586.200.608	(14.610.737.957)	129.975.462.651	144.586.200.608	1.193.737.031	145.779.937.639
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	6.800.516.237	(6.800.516.237)	-	6.800.516.237	(6.800.516.237)	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	25.297.321.208	12.296.906.424	37.594.227.632	25.297.321.208	11.018.492.593	36.315.813.801
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	70.968.627.165	(39.592.122.113)	31.376.505.052	70.968.627.165	(35.615.245.515)	35.353.381.650
Cộng	349.675.919.796	281.727.732.220	631.403.652.016	349.675.919.796	372.322.277.702	721.998.197.498

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Cổ tức, lợi nhuận				
	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Được chia trong năm	Điều chỉnh tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty TNHH Coats Phong Phú	489.139.290.953	339.318.922.442	(410.844.829.248)	-	417.613.384.147
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	9.912.949.496	93.531.338	-	-	10.006.480.834
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	5.496.823.959	(9.777.070)	(634.652.566)	(14.802.623)	4.837.591.700
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	145.779.937.639	(16.375.328.917)	-	570.853.929	129.975.462.651
Công ty Cổ phần Xúc tiến	-	-	-	-	-

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm		Giá trị phần sở hữu cuối năm
			Điều chỉnh tăng, giảm khác		
Thương mại và Đầu tư Phong Phú					
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	36.315.813.801	1.278.413.831	-	-	37.594.227.632
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	35.353.381.650	(4.037.647.046)	-	60.770.448	31.376.505.052
Cộng	721.998.197.498	320.268.114.578	(411.479.481.814)	616.821.754	631.403.652.016

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Lợi nhuận của Công ty TNHH Coats Phong Phú năm nay giảm so với năm trước. Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang, Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức năm nay bị lỗ chủ yếu do hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn và do Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức trích lập các khoản dự phòng. Công ty con và các công ty liên doanh, liên kết khác không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Lợi nhuận được chia	410.844.829.248	289.492.568.474
Bán thành phẩm, hàng hóa	501.934.324.971	495.380.796.792
Cung cấp dịch vụ	15.177.221.087	12.550.469.375
Mua nguyên liệu	233.602.324.814	197.783.519.219
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Lãi cho vay	-	1.831.013.699
Giảm lãi cho vay	-	9.557.157.267
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang		
Bán thành phẩm, hàng hóa	3.592.970.303	16.231.880.249
Cung cấp dịch vụ	6.553.775.136	22.194.472.812
Lãi tiền thuê tài sản phải thu	4.527.399.646	5.045.491.030
Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	9.534.114.491	43.353.401.207
Mua dịch vụ	15.852.609.622	-
Chi phí hỗ trợ chuyển giao nhà máy	2.564.726.758	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt		
Cổ tức được chia	634.652.566	-

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	13.027.052.451	(246.155.288)	13.027.052.451	-
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.319	(5.852.355.319)	5.852.355.319	(5.852.355.319)
Công ty Cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	(949.900.491)	1.337.103.882	(949.900.491)
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may	11.282.879.453	(10.508.383.656)	11.282.879.453	(7.985.929.414)
Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	2.984.184.383	(2.804.972.612)	2.984.184.383	(2.567.130.366)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Hưng Phú	1.813.677.769	(1.813.677.768)	1.813.677.769	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	14.093.555.470	-	14.093.555.470	-
Cộng	105.929.737.637	(22.175.445.134)	105.929.737.637	(17.355.315.590)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.355.315.590	20.698.174.943
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	4.820.129.545	(3.342.859.353)
Số cuối năm	22.175.445.135	17.355.315.590

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	209.482.288.841	174.109.910.619
Công ty TNHH Coats Phong Phú	196.535.436.993	151.101.014.465
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	12.930.807.340	13.430.807.340
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	-	9.474.352.228
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	16.044.508	103.736.586
Phải thu các khách hàng khác	165.078.219.538	142.051.200.521
Cộng	374.560.508.379	316.161.111.140

Toàn bộ quyền phát sinh nợ phải thu với số tiền 60.000.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.23a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phát triển Toàn Cầu ATP	-	669.604.320
Công ty Cổ phần Dệt Đông Quang	1.332.815.915	-
Olam Global Agri Pte Ltd	1.090.921.650	-
Olam International Limited	932.307.200	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Văn Khoa	889.230.636	-
Các nhà cung cấp khác	3.975.060.432	2.647.807.484
Cộng	8.220.335.833	3.317.411.804

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	-	-	1.554.371.735	-
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang - Phải thu tiền lãi thuê tài sản	-	-	1.554.371.735	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	136.996.881.241	(19.534.309.268)	165.116.202.391	(13.275.446.849)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước - Phải thu lợi nhuận hợp tác dự án Đồng Mai	74.071.866.212	-	98.402.161.112	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước - Phải thu tiền chậm thanh toán	11.448.047.374	-	11.448.047.374	-
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV - Phải thu tiền hợp tác kinh doanh của Dự án Láng Le - Bàu Cò (*)	43.532.895.759	(16.291.758.178)	43.532.895.759	(10.032.895.759)
Lãi dự thu tiền gửi	-	-	3.698.265.753	-
Phải thu lãi tiền thuê tài sản	400.801.124	-	1.315.275.654	-
Tạm ứng	2.868.812.602	-	2.020.410.522	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.675.049.951	(3.242.551.090)	4.699.146.217	(3.242.551.090)
Cộng	136.997.473.022	(19.534.309.268)	166.670.574.126	(13.275.446.849)

(*) Ngày 09 tháng 4 năm 2021, Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 279/TB-VP nêu kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Võ Văn Hoan về việc thống nhất chủ trương Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV không tiếp tục thực hiện dự án và giao cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH đảm phán, chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty. Ngày 26 tháng 5 năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 4046/STNMT-QLĐ báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu hồi đất dự án và bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 1923/QĐ-UBND về việc thu hồi đất dự án Cụm công nghiệp Láng Le - Bàu Cò. Tổng Công ty và Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH đang làm việc và thống nhất chi phí đầu tư dở dang, vốn góp chia sẻ và công nợ tồn tại của các bên để báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố thẩm định, xin ý kiến chỉ đạo.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký quỹ dài hạn	76.332.598	-	921.879.250	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	1.871.668.533	-	1.454.721.084	-
Cộng	1.948.001.131	-	2.376.600.334	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	43.532.895.759	27.241.137.581	43.532.895.759	33.500.000.000
Công ty TNHH Tài Tín G.F.G. SRL	3.242.551.090	-	3.242.551.090	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.643.466.094	66.249.997	9.751.612.934	2
Cộng	52.418.912.943	27.307.387.578	58.434.741.364	33.500.000.002

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	25.434.741.362	35.942.364.881
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	4.658.590.671	(10.507.623.519)
Xử lý công nợ (*)	(4.981.806.668)	-
Số cuối năm	25.111.525.365	25.434.741.362

(*) Xoá nợ phải thu khó đòi không có khả năng thu hồi theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	6.365.471.268	-	13.159.059.963	-
Nguyên liệu, vật liệu	142.189.822.926	(4.121.336.108)	104.700.769.577	(1.813.460.078)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	147.408.669.776	(2.648.094.987)	119.027.919.139	(4.563.001.080)
Chi phí dở dang dự án (*)	187.766.564.464	-	187.766.564.464	-
Thành phẩm	103.289.248.610	(2.504.911.401)	144.078.419.116	(10.530.691.954)
Hàng hóa	15.464.971.717	-	18.197.368.977	-
Hàng gửi đi bán	2.545.088.456	-	3.416.099.031	-
Cộng	605.029.837.217	(9.274.342.496)	590.346.200.267	(16.907.153.112)

(*) Chi phí dở dang của Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số VIII.4 và VIII.6).

Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh với giá trị thế chấp lần lượt tối thiểu là 245.000.000.000 VND và 40.000.000.000 VND được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.23a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.907.153.112	12.233.724.907
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	(7.632.810.616)	5.640.987.516
Xuất khác	-	(967.559.311)
Số cuối năm	9.274.342.496	16.907.153.112

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	98.529.935	110.310.764
Chi phí bảo hiểm	279.390.124	636.837.333
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	788.976.444	253.500.000
Cộng	1.166.896.503	1.000.648.097

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	781.824.424	2.337.559.203
Chi phí sửa chữa	3.865.643.888	2.436.129.082
Tiền thuê đất	5.387.755.080	6.857.142.840
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.293.222.137	2.364.476.117
Cộng	12.328.445.529	13.995.307.242

9. Tài sản cố định hữu hình

Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 490.456.868.170 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng và Tập đoàn Dệt may Việt Nam (xem thuyết minh số V.23).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	149.284.403.090	-	149.284.403.090
Thuê tài chính trong năm	82.882.831.289	2.550.974.243	85.433.805.532
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(134.258.354.065)	-	(134.258.354.065)
Số cuối năm	97.908.880.314	2.550.974.243	100.459.854.557
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	24.281.423.192	-	24.281.423.192
Khấu hao trong năm	11.230.069.811	102.203.784	11.332.273.595
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(29.004.866.974)	-	(29.004.866.974)
Số cuối năm	6.506.626.029	102.203.784	6.608.829.813
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	125.002.979.898	-	125.002.979.898
Số cuối năm	91.402.254.285	2.448.770.459	93.851.024.744

Sau khi kết thúc thời hạn thuê hoặc thanh toán toàn bộ số tiền thuê trước hạn và nếu Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo những thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng thuê tài chính, bên cho thuê cam kết sẽ bán lại các tài sản thuê này cho Tập đoàn với giá tương trưng (danh nghĩa).

11. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	583.927.273	425.913.932	158.013.341
Khấu hao trong năm		37.395.128	
Số cuối năm (*)	583.927.273	463.309.060	120.618.213

(*) Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 403.000.000 VND.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Số dư đầu năm là chi phí dở dang của Dự án Thăng Lợi tại số 02 đường Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thẩm định giá Thành Nam định giá lại giá trị của khu đất số 02 đường Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 30 tháng 12 năm 2023, nhằm chuẩn bị thực hiện phương án khai thác sử dụng nhà xưởng tại khu đất số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh vào năm 2024, Tổng Công ty đã thống nhất ghi nhận tăng tài sản nhà xưởng và các công trình công cộng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (xem thuyết minh số V.9), đồng thời ghi nhận giá trị các nhà xưởng, công trình, thiết bị đã tháo dỡ vào chi phí trong kỳ.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm (*)	Kết chuyển vào TSCĐ và TSCĐ thuê tài chính trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	20.970.789.988	66.839.235.544	(87.802.105.532)	(7.920.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.694.480.001	47.599.479.125	(45.925.820.296)	(1.664.177.011)	1.703.961.819
- Dự án chợ mới TP. Vũng Tàu	1.407.780.001	-	-	-	1.407.780.001
- Máy đánh ống	-	35.238.061.740	(35.238.061.740)	-	-
- Xe ô tô con	-	5.091.254.545	(5.091.254.545)	-	-
- Các dự án khác	286.700.000	7.270.162.840	(5.596.504.011)	(1.664.177.011)	296.181.818
Cộng	22.665.269.989	114.438.714.669	(133.727.925.828)	(1.672.097.011)	1.703.961.819

(*) Trong đó, Công ty ký hợp đồng thuê tài chính mua sắm tài sản dở dang với số tiền 55.227.688.222 VND (xem thuyết minh số V.23).

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	94.413.007.473	91.848.859.521
Các chi phí phải trả	5.061.066.905	3.448.815.457
Dự phòng phải trả	62.473.188.366	62.473.188.366
Chi phí lãi vay không được trừ ^(*)	26.878.752.202	25.926.855.698
Lỗ tính thuế ^(*)	232.194.236.862	243.665.992.237
Cộng	326.607.244.335	335.514.851.758

(*) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(6) Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

15. Lợi thế thương mại

Nguyên giá	
Số đầu năm	61.306.069.300
Số cuối năm	61.306.069.300
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	46.543.629.999
Phân bổ trong năm	3.936.650.480
Số cuối năm	50.480.280.479
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	14.762.439.301
Số cuối năm	10.825.788.821

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	153.417.756.091	98.382.112.955
Công ty TNHH Coats Phong Phú	113.580.209.519	55.662.805.872
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	39.837.546.572	42.455.986.883
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	263.320.200
Phải trả các nhà cung cấp khác	108.853.640.278	79.805.116.675
Cộng	262.271.396.369	178.187.229.630

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của bên liên quan	21.442.860	21.442.860
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	21.442.860	21.442.860
Trả trước của các người mua khác	137.417.811.073	134.710.959.260
Tiền thu của khách hàng liên quan đến chuyển nhượng các căn nhà liên kế Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B (xem thuyết minh số VIII.4 và VIII.6)	115.401.827.748	115.401.827.748
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phương Elly Co, Ltd	2.165.201.342	-
Elly Co, Ltd	2.820.756.030	2.690.589.933
Các khách hàng khác	7.067.448.053	6.655.963.679
Cộng	137.439.253.933	134.732.402.120

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cho thuê, kinh doanh sợi, xơ, dệt: (*)	10%
- Dịch vụ sử dụng nước, kinh doanh bông phế phẩm:	05%

(*) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 43121000136 ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho công ty có dự án tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và Công văn số 979/CT-TTHT ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận về việc hướng dẫn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm (từ năm 2012 đến 2026), miễn thuế 04 năm (từ năm 2013 đến năm 2016) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2017 đến năm 2025). Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của Tập đoàn bao gồm:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	2.899.099.478	2.653.282.311
Công ty Cổ phần Nam Dương Phú	92.262.968	-
Cộng	2.991.362.446	2.653.282.311

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất và thuế nhà đất theo thông báo của cơ quan thuế. Riêng tiền thuê đất đối với khu đất số 02 đường Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Tập đoàn đang ước tính diện tích S1, S2 dựa trên Công văn số 11055/STNMT-QLĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và hệ số điều chỉnh giá đất thương mại, dịch vụ khu vực 2 trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, thưởng,... còn phải trả cho người lao động.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	868.496.364	792.696.604
Chi phí tiện ích	3.408.494.183	727.625.962
Chi phí hoa hồng	1.024.077.158	1.601.812.657
Chi phí doanh số, hỗ trợ siêu thị	428.339.058	1.672.022.376
Chi phí chế độ cho nhân viên	683.775.592	1.170.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.009.905.447	3.214.133.829
Cộng	8.423.087.802	9.178.291.428

21. Doanh thu chưa thực hiện**21a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bên liên quan	3.157.462.000	3.157.462.000
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Tiền thuê nhà máy (xem thuyết minh số V.21b)	3.157.462.000	3.157.462.000
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	282.547.981	102.900.000
Cộng	3.440.009.981	3.260.362.000

21b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bên liên quan	20.523.503.000	23.680.965.000
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định (*)	20.523.503.000	23.680.965.000
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	3.963.573.071	240.851.904
Công ty TNHH SXTM Vĩnh Phương - Chi phí đầu tư mở rộng xưởng Dệt Denim 1	3.963.573.071	240.851.904
Cộng	24.487.076.071	23.921.816.904

(*) Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến khoản trả trước tiền thuê nhà máy của Công ty TNHH Coats Phong Phú đến ngày 30 tháng 6 năm 2031.

22. Phải trả khác**22a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	40.488.480.033	33.484.532.431
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Chi phí lãi vay	3.079.684.033	2.371.338.431
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Cổ tức phải trả	37.408.796.000	31.113.194.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	62.757.696.254	28.974.551.256
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư An Tâm - Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh	19.500.000.000	19.500.000.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	2.878.143.399	3.574.865.317
Cổ tức phải trả	37.954.590.235	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.424.962.620	5.899.685.939
Cộng	103.246.176.287	62.459.083.687

22b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương - Nhận góp vốn dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.700.000.000	4.700.000.000
Cộng	9.926.000.000	9.926.000.000

22c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

23. Vay và nợ thuê tài chính**23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	14.250.503.699	12.560.410.260
Tập đoàn Dệt may Việt Nam (xem thuyết minh số V.23b)	14.250.503.699	12.560.410.260
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	388.333.294.688	281.875.917.951
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	305.420.464.768	223.354.768.645
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	2.627.208.609
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	65.080.657.370	7.245.681.793
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	184.337.182.129	206.117.790.514
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	364.087.729
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	49.938.994.448	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế	6.063.630.821	-
Vay ngắn hạn các cá nhân khác (xem thuyết minh số V.23b)	70.632.567.208	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	1.920.000.000	41.012.892.454
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	10.360.262.712	17.508.256.852
Cộng	402.583.798.387	294.436.328.211

(*) Các khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng để bổ sung vốn lưu động, thanh toán chi phí và phát hành thư bảo lãnh.

Trong đó:

- Số dư nợ vay của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 47.146.763.352 VND (số đầu năm là 4.521.449.131 VND) được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu, hàng tồn kho với giá trị lần lượt là 60.000.000.000 VND và 40.000.000.000 VND, thế chấp tài sản là "Máy cắt ngang khổ hẹp", "Máy vắt số bàn xoay điện từ tốc độ cao Yamato" và "Máy khâu gò tự động tháo rời" (xem thuyết minh số V.3, V.7 và V.9).
- Số dư nợ vay của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 172.922.885.899 VND (số đầu năm là 187.565.255.216 VND) được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 tại Ninh Thuận; Hồ xử lý nước thải giai đoạn 2: 3.700m³/ngày đêm; Hệ thống máy móc thiết bị thuộc dự án, hệ thống 30 máy dệt khí đã qua sử dụng hiệu ZA207TI và Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh với giá trị thế chấp tối thiểu là 245.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.7 và V.9).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>509.186.881.533</i>	<i>508.647.385.402</i>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam ⁽ⁱ⁾	509.186.881.533	508.647.385.402
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>51.877.333.602</i>	<i>174.721.518.633</i>
Vay dài hạn ngân hàng	-	30.036.965.250
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	30.036.965.250
Vay dài hạn các tổ chức khác	-	1.920.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường ⁽ⁱⁱ⁾	-	1.920.000.000
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	86.161.756.357
Nợ thuê tài chính	51.877.333.602	56.602.797.026
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(iv)	51.829.355.539	56.027.060.163
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease ^(v)	47.978.063	575.736.863
Cộng	561.064.215.135	683.368.904.035

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam để tái cấu trúc tài chính, trả nợ cho các khoản nợ dài hạn của các tổ chức tín dụng theo các nội dung Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã cam kết với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Bộ Tài chính. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9).

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam với số tiền 15.000.000.000 VND để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú, công suất 1.850 m³/ngày đêm với lãi suất 2,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc bảo lãnh của ngân hàng.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Khoản vay dài hạn các cá nhân và các tổ chức khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty chuyển trình bày sang vay ngắn hạn do thời hạn thanh toán dưới 12 tháng.

^(iv) Khoản nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thuê máy móc thiết bị cho Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú bao gồm máy căng sấy định hình, bộ chông chéo canh và hệ thống kiểm soát khuôn; máy đảo cone, hệ thống hút bụi và thiết bị nối về khí nén; máy so, phân tích màu và phần mềm Datacolor Match Textile; 02 máy nhuộm cao áp; máy sấy Tumbler, hệ thống tái chế khí, máy đọc và kiểm soát độ ẩm; máy dệt khí Toyota; xe vận chuyển trục bông; máy nối Knotmaster và các phụ kiện đi kèm; xe ô tô con Fortuner với thời hạn thuê 84 tháng. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết tài sản thuê được quy định theo từng hợp đồng.

^(v) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để mua hệ thống dây chuyền in bông 10 màu. Thời hạn thuê 48 tháng đến ngày 11 tháng 12 năm 2024. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng. Giá trị mua lại tài sản khi hết tài sản thuê là 2.973.289 VND.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	-	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	525.357.385.232	16.170.503.700	73.184.298.000	436.002.583.532
Vay dài hạn các cá nhân	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	62.237.596.314	10.360.262.711	39.235.329.752	12.642.003.851
Cộng	587.594.981.546	26.530.766.411	112.419.627.752	448.644.587.383
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	68.489.857.704	38.452.892.454	30.036.965.250	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	525.687.795.662	15.120.410.260	66.424.701.583	444.142.683.819
Vay dài hạn các cá nhân	86.161.756.357	-	-	86.161.756.357
Nợ thuê tài chính	74.111.053.878	17.508.256.852	47.393.772.930	9.209.024.096
Cộng	754.450.463.601	71.081.559.566	143.855.439.763	539.513.464.272

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

23c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Trong năm 2021, căn cứ theo nội dung phán quyết của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 12 năm 2021 về vi phạm của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV khi chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Tập đoàn đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng với số tiền là 62.473.188.366 VND. Theo đó, mức dự phòng phải trả tổn thất được dựa trên diện tích 9,568 m² đất (tương ứng diện tích phần đất liên kế đã huy động vốn và ký hợp đồng chuyển nhượng) và tỷ lệ tổn thất là 28% phần vốn góp của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	18.644.332.083	5.099.507.748	(12.175.545.249)	11.568.294.582
Quỹ phúc lợi	2.679.344.177	2.500.000.000	(4.522.249.676)	657.094.501
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.645.003.619	13.885.663.945	(13.703.220.345)	2.827.447.219
Cộng	23.968.679.879	21.485.171.693	(30.401.015.270)	15.052.836.302

26. Vốn chủ sở hữu**26a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

26b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	372.620.950.000	372.620.950.000
Cộng	746.708.910.000	746.708.910.000

26c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.670.891	74.670.891
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 131/NQ-ĐHĐCĐ/PP ngày 15 tháng 5 năm 2023 như sau:

	Số được phân phối	Đã tạm ứng cổ tức trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	224.012.673.000	112.006.336.500	112.006.336.500
• Trích quỹ đầu tư phát triển	7.635.881.000	-	7.635.881.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.090.587.000	-	5.090.587.000
• Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và kinh phí ngoại giao (3%)	7.635.881.000	-	7.635.881.000
• Trích thưởng vượt kế hoạch (10% lợi nhuận vượt kế hoạch)	4.666.589.000	-	4.666.589.000

Ngoài ra, Tổng Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 với tỷ lệ 15% theo Quyết định số 317/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 11 năm 2023 với số tiền là 112.006.336.500 VND và tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2023 với tỷ lệ 10% theo Quyết định số 332/QĐ-HĐQT ngày 04 tháng 12 năm 2023 với số tiền là 74.670.891.000 VND.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**27a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.444.432,82	708.022,66
Euro (EUR)	1.318,04	479,71

27b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
G.F.G SRL	76.693,80	1.795.401.858	-	-	Không có khả năng thu hồi
Sky Imports	46.947,60	1.099.043.316	-	-	Không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại-Dịch vụ Bạch Việt	-	591.750.229	-	-	Không có khả năng thu hồi
Các khách hàng khác	20.987,04	1.495.611.265	-	-	Không có khả năng thu hồi
Cộng		4.981.806.668			

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	1.467.398.508.766	1.430.714.297.052
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	286.504.370.392	314.802.564.695
Doanh thu kinh doanh bán bất động sản	619.877.344	-
Cộng	1.754.522.756.502	1.745.516.861.747

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, trong năm Tập đoàn chỉ có phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Tập đoàn Dệt may Việt Nam với số tiền là 595.881.080 VND (năm trước là 1.111.855.308 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	808.139.034	-
Hàng bán bị trả lại	4.292.420.831	2.111.097.881
Giảm giá hàng bán	40.800.000	-
Cộng	5.141.359.865	2.111.097.881

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.174.997.101.258	1.153.042.092.912
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	233.627.689.675	234.563.041.462
Giá vốn của bất động sản đã bán	645.454.545	-
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.632.810.616)	5.640.987.516
Cộng	1.401.637.434.862	1.393.246.121.890

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	130.590.492	122.781.801
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	24.839.409.805	16.162.302.711
Lãi cho vay	-	2.544.407.670
Lãi trả chậm thanh toán	-	2.581.176.939
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.841.570.000	10.376.782.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.471.948.157	10.922.267.685
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	33.464.972.438
Cộng	43.283.518.454	76.174.691.244

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	59.352.205.703	42.241.724.408
Giảm lãi cho vay	-	23.001.855.899
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.700.054.973	16.016.235.958
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	16.843.485.309	20.451.974.313
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	20.000.000	364.658.000
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	4.820.129.544	(3.342.859.353)
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	1.826.952.629
Cộng	87.735.875.529	100.560.541.854

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	16.077.726.894	11.442.457.372
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	874.318.567	701.535.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.943.073.992	43.660.338.814
Chi phí khác	14.164.430.498	8.885.960.967
Cộng	77.059.549.951	64.690.293.031

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	75.068.159.456	74.177.548.622
Chi phí vật liệu quản lý	5.319.515.531	5.348.983.611
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.433.240.780	3.645.090.066
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	3.936.650.480	3.936.650.480
Thuế, phí và lệ phí	78.918.175.060	57.629.255.049
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	4.658.590.671	(10.507.623.519)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.197.113.300	41.290.798.882
Chi phí khác	7.293.426.892	12.805.477.381
Cộng	221.824.872.170	188.326.180.572

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.477.116.829
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	60.000.000	-
Thu nhập khác	64.867.296	688.522.325
Cộng	124.867.296	2.165.639.154

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.688.605.636	-
Chi phí hỗ trợ chuyển giao nhà máy	2.564.726.758	-
Chi phí tư vấn	-	1.603.906.643
Chi phí khác	812.334.831	206.009.417
Cộng	5.065.667.225	1.809.916.060

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	311.362.639.035	471.873.906.754
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.388.278.906)	(15.351.664.379)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	(11.936.555.427)	(11.170.993.984)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(1.429.200.000)	(1.332.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	288.608.604.702	444.019.248.391
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	74.670.891	74.670.891
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.865	5.946

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.041.119.049.701	985.757.962.935
Chi phí nhân công	345.480.253.266	276.307.824.842
Chi phí khấu hao tài sản cố định	111.185.872.631	141.826.056.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	296.299.252.727	288.098.369.571
Chi phí khác	105.634.239.864	38.546.862.598
Cộng	1.899.718.668.189	1.730.537.076.857

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu lãi cho vay cần trừ vào chi phí lãi vay	9.537.942.945	24.097.623.579
Mua sắm tài sản cố định bằng nhận nợ thuê tài chính	55.227.688.222	17.453.790.454

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả tiền mua tài sản cố định	94.464.601	3.329.739.525
- Trả trước tiền mua tài sản cố định	1.678.112.146	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	56.445.363.656	71.023.083.163
Trên 01 năm đến 05 năm	178.406.423.965	233.869.496.041
Trên 05 năm	232.989.913.420	319.561.547.624
Cộng	467.841.701.041	624.454.126.828

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành, quản lý. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	756.000.000	756.000.000
Tổng Giám đốc và người quản lý khác	6.100.022.860	4.266.902.860
Cộng	6.856.022.860	5.022.902.860

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewoo Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết và giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b và VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với Tập đoàn Dệt may Việt Nam như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay phải trả	36.299.798.884	16.646.106.322
Mua hàng hóa	492.083.000	303.810.000
Chi phí dịch vụ	298.860.606	160.000.000
Bán thành phẩm	595.881.080	-
Cổ tức phải trả	149.635.184.000	168.339.582.000
Mua tài sản cố định	-	100.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.16, V.17, V.22 và V.23.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh đo các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất và tiêu thụ vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang.
- Các lĩnh vực khác: mua bán sợi và nguyên vật liệu sản xuất khác, dịch vụ giáo dục mầm non, kinh doanh bất động sản và thực hiện các dự án cụm công nghiệp, khu du lịch và tòa nhà phức hợp.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 05 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Tổng Công ty chủ yếu là Việt Nam, các nước Châu Á khác (Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan) các nước Châu Âu và Mỹ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Việt Nam	1.052.169.398.396	1.040.488.360.455
Các nước khác	697.211.998.241	702.917.403.411
Cộng	1.749.381.396.637	1.743.405.763.866

4. Số liệu so sánh

Tập đoàn điều chỉnh hồi tố doanh thu, giá vốn của các nền đã bàn giao cho khách hàng năm 2018 và 2019 của Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh do Dự án được bàn giao lại cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV tiếp nhận và quản lý (xem thuyết minh số VIII.6).

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố này đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước		Số liệu sau điều chỉnh
		Điều chỉnh	Các điều chỉnh	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Hàng tồn kho	141	478.865.097.503	111.481.102.764	590.346.200.267
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19.330.574.372	115.401.827.748	134.732.402.120
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	543.692.884.337	(3.920.724.984)	539.772.159.353

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Thông tin khác

Ngày 22 tháng 6 năm 2019 Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2649/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 6077/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về chấp thuận cho chuyển nhượng Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV và Tổng Công ty. Theo đó, hai bên phải giao trả, chuyển giao những gì mà hai bên đã thỏa thuận của nhau trước đây và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau; thông báo cho các bên có liên quan về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức; giải quyết các vấn đề phát sinh với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án do hai bên đã ký kết trước đó theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vào ngày 18 tháng 12 năm 2021 và xét xử phúc thẩm vào ngày 08, 09 và 15 tháng 6 năm 2022 đã đưa ra phán quyết về vi phạm của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV khi chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm chuyển nhượng là 348.779.619.741 VND. Theo đó, Tập đoàn đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng với số tiền là 62.473.188.366 VND (xem thuyết minh số V.24).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức là 187.766.564.464 VND (xem thuyết minh số V.7).

Đến nay Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 52/HĐHT-TCT ngày 31 tháng 10 năm 2008 giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn và Tổng Công ty không bị tuyên hủy bỏ hay vô hiệu và các bên tham gia đều chưa yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hoặc thay đổi tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận. Hai bên cũng đã thống nhất sẽ thuê đơn vị khảo sát độc lập để khảo sát thực trạng, đánh giá và kết luận về công tác xây dựng trên toàn diện dự án và kiểm toán liên quan đến tài chính của dự án để làm cơ sở bàn giao lại dự án cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn làm chủ đầu tư. Từ đó các bên tham gia hợp tác sẽ đề xuất với Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh giải quyết quan hệ với các khách hàng đã ký kết hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.


Ngày 17 tháng 01 năm 2024 Tổng Công ty đã tiến hành giao tài sản dự án khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV. Hiện tại Tổng Công ty và Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV đang thực hiện các bước tiếp theo và chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa các bên theo quy định pháp luật hiện hành.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024


Trần Lan Anh
Người lập biểu


Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng




Dương Khuê
Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá	629.234.726.307	1.468.945.543.567	45.128.149.647	12.002.021.953	2.155.310.441.474
Số đầu năm	-	88.500.000	330.000.000	-	418.500.000
Mua sắm mới	6.274.737.313	36.528.128.438	5.091.254.545	-	48.294.120.296
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	43.321.784.140	-	-	-	43.321.784.140
Kết chuyển từ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-	134.258.354.065
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	134.258.354.065	-	-	134.258.354.065
Thanh lý, nhượng bán	-	(75.920.641.947)	(1.950.590.979)	-	(77.871.232.926)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(977.623.432)	(630.000.000)	-	(606.255.500)	(2.213.878.932)
Số cuối năm	677.853.624.324	1.563.669.884.123	48.598.813.213	11.395.766.453	2.301.518.088.117
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	53.977.377.059	298.422.980.198	9.639.705.736	3.776.420.883	365.816.483.876
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn	220.107.331.587	919.300.665.419	26.964.041.837	6.523.607.997	1.172.895.736.840
Số đầu năm	22.656.133.822	95.611.046.326	4.183.822.939	608.250.139	123.059.253.226
Khấu hao trong năm	-	29.004.866.974	-	-	29.004.866.974
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(64.663.867.227)	(1.900.452.116)	-	(66.564.319.343)
Thanh lý, nhượng bán	(769.466.969)	(575.592.108)	-	(576.289.624)	(1.921.348.701)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	241.993.998.449	978.677.119.384	29.247.412.660	6.555.658.512	1.256.474.188.996
Số cuối năm	409.127.394.720	549.644.878.148	18.164.107.810	5.478.323.956	982.414.704.634
Giá trị còn lại	435.859.625.888	584.992.764.739	19.351.406.553	4.840.107.941	1.045.043.899.121
Số cuối năm	-	-	-	-	-
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.204.443.282	9.853.587.161	(11.675.849.631)	382.180.812	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	11.847.308.362	(11.847.308.362)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	5.221.052	386.290.274	(381.069.222)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.774.594.709	2.991.362.446	(2.539.266.395)	1.029.362.446	207.769.015
Thuế thu nhập cá nhân	10.762.059	18.949.395.579	(17.010.041.493)	4.713.948.795	-
Thuế tài nguyên	74.610.441.861	228.851.622	(226.780.231)	12.833.450	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	80.251.655.446	(52.694.903.262)	102.167.194.045	-
Thuế nhà thầu	-	968.459.266	(968.459.266)	-	-
Các loại thuế khác	-	16.000.000	(16.000.000)	-	-
Cộng	80.177.508.306	125.492.910.156	(97.359.677.862)	108.305.519.548	207.769.015

Trần Lan Anh
Người lập



Dương Khuê
Tổng Giám đốc

Thuế GTGT hàng bán nội địa
Thuế GTGT hàng nhập khẩu
Thuế xuất, nhập khẩu
Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế thu nhập cá nhân
Thuế tài nguyên
Thuế nhà đất, tiền thuê đất
Thuế nhà thầu
Các loại thuế khác
Cộng

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.204.443.282	-	9.853.587.161	(11.675.849.631)	382.180.812	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	11.847.308.362	(11.847.308.362)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	5.221.052	5.221.052	386.290.274	(381.069.222)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.774.594.709	207.769.015	2.991.362.446	(2.539.266.395)	1.029.362.446	207.769.015
Thuế thu nhập cá nhân	10.762.059	-	18.949.395.579	(17.010.041.493)	4.713.948.795	-
Thuế tài nguyên	74.610.441.861	-	228.851.622	(226.780.231)	12.833.450	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	80.251.655.446	(52.694.903.262)	102.167.194.045	-
Thuế nhà thầu	-	-	968.459.266	(968.459.266)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	16.000.000	(16.000.000)	-	-
Cộng	80.177.508.306	212.990.067	125.492.910.156	(97.359.677.862)	108.305.519.548	207.769.015

Trần Lan Anh
Người lập



Dương Khuê
Tổng Giám đốc

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng do lãi nhập gốc	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
72.560.410.260	-	14.058.356.316	-	286.905.851	(12.655.168.728)	14.256.503.699
281.875.917.951	749.222.852.583	103.427.789.777	2.413.746.980	1.949.756.231	(750.556.768.834)	388.331.294.688
223.354.768.645	749.002.852.583	-	-	2.054.966.236	(668.992.122.696)	305.420.464.768
-	220.000.000	86.161.756.357	2.413.746.980	-	(18.162.936.129)	70.632.567.208
41.012.892.454	-	1.920.000.000	-	-	(41.012.892.454)	1.920.000.000
17.508.256.852	-	15.346.033.420	-	(105.210.005)	(22.388.817.555)	10.360.262.712
294.436.328.211	749.222.852.583	117.486.146.093	2.413.746.980	2.236.662.082	(763.211.937.562)	402.583.798.387
Cộng						

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Tăng do lãi nhập gốc	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
508.647.385.402	-	(14.058.356.316)	-	14.597.852.447	-	509.186.881.533
174.721.518.633	55.227.688.222	(103.427.789.777)	-	(3.112.722)	(74.640.970.754)	51.877.333.602
30.036.965.250	-	-	-	-	(30.036.965.250)	-
1.920.000.000	-	(1.920.000.000)	-	-	-	-
86.161.756.357	-	(86.161.756.357)	-	-	-	-
56.602.797.026	55.227.688.222	(15.346.033.420)	-	(3.112.722)	(44.604.005.504)	51.877.333.602
683.368.904.035	55.227.688.222	(117.486.146.093)	-	14.594.739.725	(74.640.970.754)	561.064.215.135
Cộng						

Vay dài hạn các bên liên quan

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác

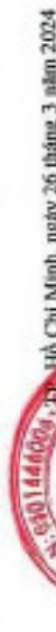
Vay dài hạn ngân hàng

Vay dài hạn các tổ chức khác

Vay dài hạn các cá nhân

Nợ thuê tài chính

Cộng



Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Trần Lan Anh
Trần Lan Anh
Người lập

Lê Thị Tú Anh
Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng

Trần Lan Anh
Trần Lan Anh
Kế toán trưởng

Lê Thị Tú Anh
Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng

Đơn vị tính: VND

Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
746.708.910.000	32.368.276.001	418.850.500.432	439.745.443.584	19.680.594.096	1.657.333.724.113
-	-	-	471.873.906.754	5.077.841.496	476.951.748.250
-	-	21.957.267.097	(43.534.996.105)	538.505.666	(21.039.223.342)
-	-	-	(336.019.009.500)	(1.120.000.000)	(337.139.009.500)
-	-	-	(861.543.822)	(61.060.425)	(922.604.247)
-	-	-	8.568.358.442	(1)	8.568.358.441
746.708.910.000	32.368.276.001	440.807.767.529	539.772.159.353	24.115.880.832	1.783.772.993.715
746.708.910.000	32.368.276.001	440.807.767.529	539.772.159.353	24.115.880.832	1.783.772.993.715
-	-	-	-	100.000.000	100.000.000
-	-	-	311.362.639.035	5.380.495.747	316.743.134.782
-	-	30.216.167.734	(53.801.048.706)	2.099.709.279	(21.485.171.693)
-	-	-	(298.683.564.000)	(1.280.000.000)	(299.963.564.000)
-	-	-	(1.024.913.537)	(85.753.129)	(1.110.666.666)
-	-	-	(385.439.896)	-	(385.439.896)
-	-	-	616.821.756	(1)	616.821.756
746.708.910.000	32.368.276.001	471.023.935.263	497.856.654.005	30.330.332.729	1.778.288.107.998

Số dư đầu năm nay
Lợi nhuận trong năm
Trích lập các quỹ trong năm
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành
Các khoản điều chỉnh khác
Số dư cuối năm trước

Số dư đầu năm nay
Tăng do hợp nhất kinh doanh trong năm
Lợi nhuận trong năm
Trích lập các quỹ trong năm
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành
Truy thu thuế
Các khoản điều chỉnh khác
Số dư cuối năm nay

Trần Lan Anh
Trần Lan Anh
Người lập

Lê Thị Tú Anh
Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng



Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Trần Lan Anh
Trần Lan Anh
Kế toán trưởng

Lê Thị Tú Anh
Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm nay	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác		Cộng
		Các khoản loại trừ	Các khoản loại trừ	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.462.257.148.901	287.124.247.736	-	1.749.381.396.637
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.462.257.148.901	287.124.247.736	-	1.749.381.396.637
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	294.892.858.259	52.851.103.516	-	347.743.961.775
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(298.884.422.121)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	48.859.539.654
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	43.283.518.454
Chi phí tài chính	-	-	-	(87.735.875.529)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	335.271.498.326	(15.003.383.748)	-	320.268.114.578
Thu nhập khác	-	-	-	124.867.296
Chi phí khác	-	-	-	(5.065.667.225)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(2.991.362.446)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				316.743.134.782
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	111.529.411.172	6.158.147.545	-	117.679.558.717
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	96.835.431.134	43.912.189.655	-	140.747.620.789
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	4.158.590.671	500.000.000	-	4.658.590.671

Năm trước	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác		Cộng
		Các khoản loại trừ	Các khoản loại trừ	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.428.603.199.171	314.802.564.695	-	1.743.405.763.866
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.428.603.199.171	314.802.564.695	-	1.743.405.763.866
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	269.920.118.743	80.239.523.233	-	350.159.641.976
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(253.016.473.603)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	97.143.168.373
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	76.174.691.244
Chi phí tài chính	401.920.991.100	4.570.998.604	-	(100.560.541.854)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	406.491.989.704
Thu nhập khác	-	-	-	2.165.639.154
Chi phí khác	-	-	-	(1.809.916.060)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(2.653.282.311)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				476.951.748.250
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	47.368.379.553	2.140.756.525	-	49.509.136.078
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	107.116.223.100	41.241.697.031	-	148.357.920.131
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	(25.929.737.478)	10.032.895.759	-	(15.896.841.719)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Số cuối năm	Lĩnh vực sản xuất		Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác		Các khoản loại trừ	Tổng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.229.025.131.828	-	878.614.527.670	-	-	2.107.639.659.498
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	623.021.512
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	1.430.516.778.791
Tổng tài sản						3.538.779.459.801
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	759.660.777.804	-	531.210.211.229	-	-	1.290.870.989.033
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	766.156.304	-	221.346.493.881	-	-	222.112.650.185
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	247.507.712.585
Tổng nợ phải trả						1.760.491.351.803
Số đầu năm	1.075.011.584.093	-	1.003.045.414.788	-	-	2.078.056.998.881
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	1.340.521.433.274
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	3.418.578.432.155
Tổng tài sản						1.331.281.858.357
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	613.778.842.905	-	717.503.015.452	-	-	79.526.790.282
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	2.151.876.908	-	77.374.913.374	-	-	223.996.789.801
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	1.634.803.438.440
Tổng nợ phải trả						1.634.803.438.440



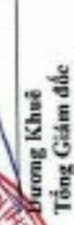
Trần Lan Anh
Người lập



Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng



Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024


Dương Khê
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 16 tháng 04 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật

